ANNAM

TẠP-CHÍ

XUẤT BẢN NGÀY THỨ BẨY

NĂM NHÂM-THÂN số 45

NGÀY 18 JUIN 1932

DÉPOT-LEGAL
RÉSIDENCE SUPÉRIEURE
TONKIN



安南襍誌

ANNAM TAP CHI
REVUE DE L'ANNAM

Directeur :
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Administrateur :
NGÔ-THÚC-ĐỊCH

GIÁ BÁO

	Trong nước	Nước ngoài
Một năm .	5$00	7$00
Nửa năm .	2,60	3,80
Một số . .	0,15	0,20

Dépôt légal
Le 20 Juin 1932
Le Gérant

Toà bao : 72, Phò hàng Khoai - Hanoi

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-71) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Khẩn-cáo

Bản-chí từ kỳ này đi, cứ dán-tiếp xuất-bản một kỳ chính một kỳ phụ, song lại ra đúng ngày thứ bảy như cũ, cho được tiện ngày độc-giả nhớ ngày mua.

Đối với các bạn độc-giả mua dài hạn, đến ngày 16 Juillet đã hết hạn nửa năm. Vậy ngài nào chưa giả tiền, xin kíp gửi về cho, và nếu các ngài có sẵn lòng mua thêm, cũng xin cho biết để Bản-chí tiện sự gửi tiếp.

☆☆

Về phần các Đại-lý, hầu hết các ngài đã gửi tiền, Bản-chí xin nhân đây tỏ lời cảm-tạ. Duy còn một vài ngài như :

Ông PAUL-BÁU ở Pnom-Pênh,

Ông THÀNH-ĐỨC ở Thanh-Hóa.

đến nay vẫn chưa có hồi-âm.

Vậy xin nhắc lại để các ngài lưu-ý cho.

AN-NAM TẠP-CHÍ.

THUỐC TRỊ BỆNH

Tê, Bại, Phong, Thấp và đau rức gân cốt rất tài !

Thuốc này của nhà Danh-y Trung-hoa phát minh ra, là một phương thuốc rất hay để giúp người đời vậy. Không những uống vào thấy công hiệu ngay và lại được khỏi tiệt nọc nữa.

Chuyên trị các chứng mỏi nhức, gân cốt buốt đau, sưng chân phù tay, đau lưng mỏi vai, mặt mũi nặng nề, chân tay co rụt, thịt tê da buồn, cấu véo chẳng đau, sếch mặt méo mồm nhời nói ngọng nghịu, tả tê hữu bại và bán thân bất toại v. v. Nhất là đàn-bà sau khi sinh nở được thuốc này thì sẽ tránh khỏi các chứng tê, bại.

Mỗi lọ giá 1p.50, nửa tá (6 lọ) giá 7p.50

Bán tại **NGŨ-TINH DƯỢC-PHÒNG**

114 Hàng - Bông — Hanoi

Ngài nào ở xa xin viết thơ về kể bệnh cần mua theo cách lĩnh-hóa giao-ngân rất là nhanh chóng.

THỨ THUỐC TRỪ TẬT BỆNH

Thêm sức-lực, cho các bạn Thanh-Niên ! ! !

Nguyên ở Á-CHÂU DƯỢC-PHÒNG 127, hàng Bông — Hanoi, mới sáng chế ra phương thuốc này, đã được các bọn Thanh-Niên xa gần hoan-nghênh công-nhận là một thứ thuốc rất hay; ít có xưa nay vậy. Chuyên môn bồi sức lực, bổ tinh thần. Thống trị các chứng di-tinh mộng-tinh, loãng-khí, khí-lạnh, hư-trọc, hoạt-tinh, tinh-khí bất cố, dương-sự bất cử, chóng mặt rức đầu, hoa mắt ù tai, đau lưng mỏi vai, buồn bã tay chân, giật máy gân thịt, tiểu tiện lúc trắng lúc vàng, đại-tiện khi táo khi nát. Hoặc người bị bệnh Phong-tình chưa khỏi tiệt nọc, đến khi mệt nhọc, và ăn uống phải đồ nhiệt độc, thời đầu dương-vật hay rớt tinh ra như rãi-gà, như rựa-chuối, với thường theo lẫn nước tiểu ra như sợi-chỉ, như cặn nước-gạo, có khi yếu quá lại sinh chứng Liên-chuy (sa-dì) nữa, dùng thuốc này lập tức lành mạnh.

Mỗi hộp 1p.00, nửa tá 5p.00

Các ngài ở xa gần nên đến, hoặc viết thư về, kể rõ bệnh tình, xin gửi cách lĩnh-hóa giao-ngân rất nhanh-chóng và cẩn-thận.

MỘT PHIẾN CẢM-HOÀI CÙNG VIỆC DƯỠNG-SINH Ở NGHỆ-AN

Ngày 21 *Mai*, ở Vinh, tôi có đi thăm nhà hội *Dục anh*; nhân có bài nói về *«việc dưỡng-sinh ở Nghệ-an»* viết đây, không phải là một thiên du-ký, cũng không phải là bài văn cổ-động hay tán-tụng chi vậy.

Tỉnh Nghệ-an gần đây, trải bao phen phong-đào, cái tình cảnh nhân-dân như sao, Quốc-dân ta liệu đều đã biết cả. Vậy thời hội *Dục-anh* ở tỉnh ấy, cũng là một việc làm phúc, mà xem với các việc làm phúc ở nơi khác, thực có chỗ nên để lòng nhiều hơn. Cho nên trong bài viết đây, cảm-hoài của tôi có hai phần chú-mong: một là mong ở Quốc-dân ta nhân việc *Dục anh* xứ đó mà nặng thêm hai chữ đồng-bào; hai là mong ở các ông Hội-viên trong hội kia, tính sao có công-quả về lâu xa, không chỉ là một việc mỹ-quan trong một hai năm vậy.

Nay xin hãy lược nói về sự-thực của việc ấy.

* * *

Nguyên Nghệ-an có một hội *Châu-cấp*, cũng là tự các thân hào trong tỉnh ấy lập ra, truyên về việc làm phúc. Hội Dục-anh này thành lập được, là nhờ ở hội Châu-cấp ấy cấp ra cho *6000$00* để gây dựng lúc ban đầu và để duy-trì trong một năm, đó là số tiền gốc của hội. Ngoài số tiền sáu nghìn ấy, quan *Toàn-quyền Pasquier* có cho *200$00*; lặt-vặt các nơi, tất cả được là *600$00* nữa. Phần tiền-tài của Hội ấy, hiện là như-thế; sau này ai có muốn vào với Hội, thời mỗi vị đóng tiền là *5$00*, gửi cho ông Chánh Hội-trưởng *Le Moine*, là quan Đốc-tờ ở Vinh.

Quan Đốc-tờ *Le Moine* chính là người khởi xướng lên việc ấy. Tán-thành thời có các vị thủ-hiến trong tỉnh: quan Công-sứ *Lagrèze*, quan Tổng-đốc *Nguyễn-khoa-Kỳ*. Các *Hội-viên* nam nữ tất cả hiện được *30* vị, người Tây người Nam ngang bằng nhau.

Hôm tôi đi thăm nhà hội Dục-anh đó, ông bạn cùng đưa đi là M*r Phó-đức-Thành* là một ông Hội-viên có chân trong Trị-sự; xuống đến nơi thời có gặp bà *Phước nhất*, người Tây, cùng trỉ-dẫn đi coi và nói truyện, cho nên xem biết hơi được tường.— Cứ nhà hội đó ở về phía tây-nam Thành, khu đất cũng rộng-rãi. Cái nhà chính, trông bề ngoài chín gian, trong có chia hai chỗ ngủ của trẻ con trai gái, giường màn rất tề-trỉnh sạch-sẽ, mỗi đứa trẻ một giường một màn, coi gần như thể-cách của một hạng lưu-học-sinh vậy. Các bộ giường như thế, hiện đã có tới một trăm cái. Ngoài chỗ của trẻ ngủ, là phòng ở của các bà Phước (sœur), coi đều thanh tĩnh đơn sơ. Phía trước, về bên hữu, ngay ở cổng vào, có cái nhà bốn gian, là phòng giấy của các ông Hội-viên và chỗ chữa thuốc cho các trẻ đau yếu, hằng ngày có người nhà thương đến thăm. Phía sau có nhà bếp và nhà tắm đối nhau, cả chỗ nhà chơi có dủ cả. Lại có một cái nhà giải, có bàn ghế, để giạy cho trẻ con gái học khâu, trẻ con trai học viết; ngay lúc chúng tôi vào chơi xem, chính gặp lúc các trẻ đương cùng nhau học tập vậy.— Phàm trẻ, nhận từ đứa lên *3* đến *12* tuổi, do Hội-viên xét thực những đứa nào là không có bố mẹ. Lệ nuôi đến 12 tuổi thời sẽ cho đứa trẻ ấy đi một nơi học nghề.— Hiện nay lớn bé đã có tới 38 đứa trẻ.

* * *

Cứ sự-thực của việc hội *Dục-anh* ấy đại-khái như thế. Cảm-hoài của tôi đối với một việc ấy thời thấy ra như có chỗ khó-khăn: trước là lo cho cái hội phúc-đức kia, không biết sau này có kết-quả được mỹ-mãn hay không? sau là lo cho các ông Hội-viên trong hội kia, không biết sau này có làm được trọn vẹn cái công-

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

quả tốt đẹp ấy hay không vậy?

Nghĩ như những đứa trẻ, thân-thế đương khốn nạn, mẹ cha chẳng có, cơm áo thời không; mà nay được gặp ngay cái cảnh-huống phong-lưu, ngủ có giường màn, học có bàn ghế, ăn no tắm mát, chăn giát có người. Nếu cái hạnh-phúc của chúng cứ theo thế mà lên, cho đến ngày khôn lớn đi học nghề, cho có nghề trong tay, cho được trở nên một hạng người lương-thiện trong quốc-dân, có thể giúp công-việc cho xã-hội. Mà rồi lớp trẻ này đã nên thân, lớp trẻ khác lại gây dựng, nối tiếp nhau mãi mãi, hội *Dục-anh* kiêm là hội *Dục-tài*. Vậy thời cái công-đức lớn-lao của các vị Thủ-hiến tỉnh Nghệ-an và các ông Hội-viên hội Dục-anh chẳng thực đáng cùng với Lam-giang Hồng-lĩnh, cho đời đời triêm bái mãi ru?

Song như phàm việc đời, hy-vọng càng cao xa thời mục-đích càng khó đạt; lúc bạn đầu càng tốt đẹp, thời đến sau càng khó theo. Cho nên tôi trông thấy sự cư-xử của lũ trẻ trong nhà Dục-anh ở Vinh; mừng cho chúng bao nhiêu, thời lo cho các ông Hội-viên bấy nhiêu vậy.

Cứ số tiền sáu nghìn đồng bạc của hội Châu-cấp đã cấp, mà ông Phó-đức-Thành thuật truyện cùng tôi, là để sáng-lập và duy-trì trong một năm; vậy thời thêm số tiền của quan Toàn-quyền cho và của các nơi được ngót một nghìn nữa, sự chi-dùng liệu cũng có thêm được ít nhiều tháng. Sau đó, thế tất phải trông vào sự quyên-trợ của thập-phương cũng là lời ông Thành có cùng tôi nói truyện.— Lại nghĩ như hằng-tâm hằng-sản, trong quốc-dân ta, hạng người ấy há lúc nào không có. Song mà đương buổi kinh-tế khó-khăn như nay, sự khó-khăn chẳng riêng gì một tỉnh Nghệ-an. Trong một tỉnh Nghệ-an, cứ ông Thành nói truyện cùng tôi thời sự đến quyên cũng đã thấy khó-khăn lắm; vì cảnh-huống của nhân-dân trong tỉnh-hạt như thế, cho nên ai là người có thể quyên-trợ, đều đã có quyên-trợ nhiều lần. Ngoài tỉnh Nghệ-an mà trông vào sự quyên-trợ và tiền góp vào hội của các nơi, liệu cũng chỉ là sự-thể duy-trì mà không phải là cục-thế vĩnh viễn vậy. Không biết các ông Hội-viên hội Dục-anh nghĩ sao?

***

Theo ý tôi, có một sự nghĩ thô-thiển, xin bàn góp vào việc hội, trình các ông Hội-viên, mong được các Ngài để ý xét tới.

Nay muốn tính công-việc của hội, cho được thịnh mỹ về lâu xa, cần phải trước tính cho được có một cái tài-nguyên về lâu xa. Cứ ngu-kiến của tôi như dưới:

Xứ Nghệ-an vật-sản rất nhiều, mà ở xa hai nơi đô-hội lớn là Hanoi và Huế; sự thương-mại vận-tải phải do đường xe hỏa, mà cước-phí không ít, thời vật-giá chênh nhau hẳn nhiều. Xem như năm nọ đây, một việc *buôn cau*, người Hanoi kéo nhau vào Vinh, đi lũ lượt như hội. Vậy đủ biết một việc buôn đó, tất là trừ ăn-tiêu và cước-phí và còn có lãi to. Tôi lại nghe một người bạn ở Thanh-hóa từng nói truyện, mỗi năm Thanh-hóa tiêu-thụ ở Nghệ-an đem ra, có tới trên ba vạn đồng bạc tiền *trẻ tươi*. Cứ những vật nhỏ đã như thế, thời những vật lớn như các thứ *đồ gỗ*, nếu có cách buôn được tiện-lợi, tất là có lợi-tức khá to. Cho nên tôi muốn tính thêm về việc buôn để làm tài-nguyên của hội, may mà được như ý, mới có thể mong là công-cuộc lâu xa. Song mà việc buôn tôi tính đây, không phải như việc buôn riêng của mọi người, mà tức là có trông nhờ ở ơn Chánh-phủ vậy.

Hội Dục-anh ở Vinh, đã là do quan Đốc-tờ *Le Moine* khởi xướng và đứng Chánh-chủ-hội; lại được quan Công-sứ *Lagrèze* tán-thành; lại có quan Tổng-đốc *Nguyễn-khoa-Kỳ* đứng tiêu-biểu về phần người An-nam để hết lòng giúp hội. Nếu hợp lời thành-khẩn của các quan, vì hội, mà xin với Chánh-phủ lấy cách riêng ấn-tứ cho hội Dục-anh đó, mỗi tháng được bao nhiêu truyến xe lửa, mỗi truyến xe lửa được bao nhiêu cân tạ cước hàng-hóa không phải trả tiền; trong mỗi năm mỗi mùa có vật-sản hoa-lợi thời lệ được các truyến hơn lên như sao. Từ Vinh ra Thanh-hóa, Hanoi, và vào Huế, Tourane, hai con đường cùng được có ân-cách như nhau cả.

Vậy rồi trong hội tự bầu đặt các người truyên coi về công-việc thương-mại ấy. Lại cần phải có ở Hanoi, Thanh-hóa, Tourane, Huế, mỗi nơi được một ông Hội-viên có tài về kinh-tế mà hết lòng giúp hội. Như thế thời trong mỗi năm, lợi-tức có thể có một số không ít, hoặc đủ làm cái tài-nguyên của hội về lâu xa. Ngoài ra nữa thời mới trông thêm ở tiền quyên-trợ của các nơi và tiền góp vào hội của các hội-viên tiếp-tục sau này vậy

Hiện nay, *các quan Thủ-hiến* đứng giúp hội đương trọng-chức ở Vinh, mà số tiền *bảy nghìn đồng bạc* chưa tiêu hết; thế lực và tiền-tài đều sẵn, chính là cái thời-cơ có một không hai. Vậy dám thưa cùng các ông Hội-viên hội Dục-anh nên sớm sớm cùng nhau bàn định soạn lời cầu-thỉnh để lên quan Thủ-hiến để các ngài cùng ký chữ xin với Chánh-phủ cho. Các quan Thủ-hiến Nghệ-an đã sẵn lòng vì hội, thời Chánh-phủ Đại-Pháp tất cũng sẵn lượng thương dân vậy. Nay tôi chỉ biết nghĩ về đại-lược của việc ấy như thế; còn sự-thể tường-tế, xin có các vị Hội-viên trong Dục-anh.

* * *

Ngoài sự chú mong ở các ông Hội-viên, đối với quốc-dân thời tôi cũng chỉ có một câu rằng: *Quốc-dân ta nên nhân việc Dục-anh ở Vinh mà gặng thêm hai chữ đồng-bào* vậy.

Riêng phần tôi là một kẻ văn-sĩ, cách sinh-nhai duy có ở công-việc làm sách; gần đây các sách của tôi xuất bản lại là in ở Vinh, tổng-lý việc phát-thụ sách và thu-nhận tiền từ Thanh-hóa trở vô tới Nam-kỳ, và Ai-lao, Cao-mên, Bắc-kỳ thời để riêng khu-hạt Hải-phòng, tôi gửi quyển ở ông *Vương-đình-Châu* là chu nhà in Châu-Tịnh ở Nghệ. Vậy các sách của tôi bán được nhiều ít thế nào, từng một quyển trở lên, đều có ông Châu coi biết. Tôi xin rằng: từ quyển Tân-dà văn-tập của tôi in ra trong khoảng tháng Avril năm nay, cho đến suốt các quyển tiếp-tục in ra sau, trong cái thời-kỳ tôi còn in sách ở Vinh mà ông Vương-đình-Châu là chủ nhà in còn giúp tôi công-việc phát-thụ, cứ mỗi quyển sách bán được, không cứ quyển sách ấy giá bán là mấy, đều trích ra một xu đủ làm tiền cúng vào hội, do ông *Vương-đình-Châu* chuyển giao, quan Đốc-tờ *Le Moine* thâu nhận, một tháng hoặc hai tháng một lần, tuỳ nơi ông Châu liệu-lý thế nào là tiền. Chúng tôi lòng thành khẩn, dám xin Liệt-vị trong Hội cùng trứng-nhận cho, tôi được lấy làm hân-hạnh lắm lắm.

Nguyễn-khắc-Hiếu

Trong nghị-viện

Ông Édouard Herriot, Thủ-tướng Pháp và ông Ferdinand Buisson, Viện-trưởng Hạ-nghị-viện hiện thời.



Tranh vẽ của Jehan Sennep
(Trích trong cuốn « La Chambre Nationale du 16 Novembre » của Léon Daudet xuất bản năm 1929)

Anh em ! Chị em !

Cứu-giúp đồng-bào trong cơn khốn-quẫn, chỉ là một việc bổn-phận.

Cứu-giúp đồng-bào khốn-quẫn trong khi mình cũng đương bị khốn-quẫn, mới là một việc nghĩa-cử.

Hàng mấy mươi vạn đồng-bào bị nạn ở miền Nam Trung-kỳ đương trông-cạy ở tấm lòng hiếu-nghĩa của chư quý Độc-giả của An-nam Tạp-chí. Vậy trông đến hai chữ *An-nam*, chắc các ngài chẳng còn ngần-ngại gì mà không vui lòng hy sinh chút đỉnh, để tỏ cho người ngoài biết rằng ta còn biết thương nhau.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

MỸ THUẬT VÀ ĐỒ CỔ CỦA TẦU

Theo lịch-sử, mỹ-thật Tàu đã tinh-xảo từ thượng cổ. Hai nghìn hai trăm năm trước Gia-Tô, nghề làm kim-khí đã khôn-khéo lắm; thời bấy giờ người Tàu đã biết nặn đồ sành, đồ đất, đến đời nhà Hán đã làm được những đồ tráng men, rồi dần dần sang đời nhà Tống làm được đồ bằng sứ. Nghề đúc thủy tinh và pha-lê bắt đầu làm từ năm 140 trước Gia-Tô; đồ chạm ngọc có từ đời Hạ, Thương, Chu. Nghề hoa cũng bắt đầu từ thượng-cổ ; từ đời nhà Chu trở đi đã có nhiều họa-sĩ trứ danh.

Nước Tàu về xảo-nghệ là một nước văn-minh tiến hóa nhất thế-giới, cho nên các nhà khảo cổ vẫn dụng công tìm xét, trước nữa cho biết gốc-tích sự văn-minh đó, sau cho biết cách chế-tạo những đồ mỹ-thuật của Tàu mà ngày nay không bắt chước làm được nữa.

Phần nhiều các nhà học-thức, các nhà văn-sĩ, các nhà mỹ-thuật đều chuộng đồ cổ Tàu vì những đồ ấy làm rất đẹp, rất công-phu; trong khi nghiên cứu đồ cổ Tàu cần phải biết cả lịch-sử văn-chương, tôn-giáo của nước Tàu vì các khoa ấy đã có ảnh-hưởng làm cho mỹ-thuật biến-hóa bội phần.

Chơi đồ cổ mà không có tinh-thần về đồ cổ, không có tư-tưởng cao-xa thâm-thúy, không có cái vui thú riêng để mà di-dưỡng tinh tình, thì chơi đồ cổ cũng là vô ích.

Muốn biết cái tinh-thần về đồ cổ của Tàu, trước hết cần phải phân-biệt thế nào là đồ quí, có giá-trị đắt tiền vì đời bây giờ không thể làm được nữa; thế nào là đồ cổ soàng, chỉ có ghi tích là cổ, nhưng không có giá-trị gì.

Về đồ sứ cổ, nhiều người hay nghĩ nhầm hễ men mờ da đá là cổ. Đã gọi là chơi đồ sứ cổ phải biết quí cái men, mà nếu men đã mờ thời còn quí gì nữa.

Đồ sứ cổ có giá-trị thời nước men phải bóng, phải trong, phải dầy, phải chơn-chu như đồ ngà, đồ ngọc, đồ thủy-tinh mã-não. Nếu có những hình vẽ trông phải như thật, có tinh-thần, có hoạt-động. Đồ sứ cổ như vậy thì rất quí, đắt mấy có tiền cũng nên mua; bởi vậy người Hoa-kỳ nhiều tiền bỏ ra mua cho được vì biết rằng những bảo vật ấy ngày nay không thể làm được nữa.

Còn những đồ cổ thường, trông không đẹp bằng đồ mới bây giờ thì không nên chơi ; những đồ ấy chỉ có ích cho các nhà khảo cổ góp nhặt để bỏ vào nhà bảo-tàng làm ghi tích, chứ không có giá-trị gì về tinh-thần và mỹ-thuật cả.

Vậy chơi đồ cổ Tàu phải biết cho rộng ; trước hết nên biết nước Tàu có những mỹ-thuật gì, lại nên biết chuộng những mỹ-thuật ấy một cách sâu xa bao-quát ; chứ chỉ biết phân-biệt một vài cái ấm da chu, hay một vài bộ chén trà, hoặc vài ba cái đĩa kiểu lăng-nhăng, như thế thì sao đáng gọi là chơi đồ cổ và hiểu đồ cổ được.

Muốn biết đồ cổ một cách lý-thú cần phải học, phải nghiên-cứu nhiều sách vở về mỹ-thuật của Tầu, phải xem nhiều đồ ở các tư-gia chơi đồ cổ có tiếng xưa nay, để tập cho quen con mắt, phải so-sánh phân-biệt các đồ qui-giá ở nhà Bác-cổ, lúc nào cũng cho mình là chưa biết gì, chớ nên tự-đắc mà hay nhầm; họa may nếu có cái khiếu thông-minh ưa về mỹ-thuật, giăm ba năm sẽ hiểu được ít nhiều và mới biết phân-biệt thế nào là đồ cổ có giá-trị. Tinh-thần sẽ một ngày một rộng, dần dần sẽ biết trong sự chơi đồ cổ có một cái vui thú lạ thường không vui thú nào bằng ; lúc nào trông thấy những đồ cổ qui giá mình đã mua được bầy ở trong nhà tâm trí cũng được khoái-lạc, không bao giờ chán, càng ngày càng nồng-nàn đằm-thắm mãi lên.

Đã biết chơi đồ cổ như vậy, thời phải mê, nhiều khi quên ăn quên ngủ về đồ cổ; có người không hiểu cho là gàn, là quẫn.

Người ta ở đời, ai cũng biết nhiều cái khổ, có nhiều cái thú ; khổ mỗi cái khác nhau, thú mỗi cái khác nhau. Cái thú chơi đồ cổ ông trời hình như chỉ để dành riêng cho những người tri-thức, còn những kẻ ngu si, dẫu có tiền nghìn bạc vạn muốn mua lấy cái thú chơi đồ cổ cũng không sao được.

Vậy muốn hiểu rõ về các thứ đồ cổ của Tàu, cần phải biết gốc tích đồ mỹ-thuật của Tàu kể sau này:

1° Đồ ngọc, đồ bảo-thạch.
2° Đồ đồng, đồ pháp-lam.
3° Đồ sành, đồ sứ.
4° Đồ họa.
5° Đồ kiến-trúc.
6° Đồ sơn, đồ chạm, đồ ngà.
7° Đồ nữ-trang.
8° Đồ tơ lụa, đồ dệt, đồ thêu.

Kỳ sau tôi sẽ theo thứ tự nói kỹ từng khoản một cho rộng đường nghiên-cứu.

Trần-văn-Kỹ
Kỹ-sư — Sontây

GIẤY HẠNH-PHÚC

(Chaîne de bonheur)

Trong chúng ta hẳn nhiều người đã từng làm quen với cái « giấy » này.

Thốt nhiên ta nhận được một mảnh giấy có chữ, hoặc tiếng Anh hoặc tiếng Pháp, đầu đề là « cái giây » (La chaîne), trong giấy dặn ta trong 24 giờ sau khi nhận được, nên sao ra làm chín bản, rồi gửi cho chín người bạn thân để cầu phúc cho họ. Nếu ta làm đúng như thế, trong hạn chín hôm, thế nào ta cũng gặp một việc xung-xướng phi-thường. Nếu ta không tin mà cắt đứt cái giây ấy đi, thì cũng trong hạn chín hôm, thế nào cũng xảy ra cho ta một việc kỳ họa. Muốn cho « mách có trứng », trong ấy lại kể ra ông này vì theo đúng nhời dặn, trong năm hôm, được trúng một cái số 2.000.000 Anh-kim; Bà kia vì cho là chuyện đùa, tám hôm sau, bị nhà cửa cháy sạch-sẽ, vân vân....

Mới đây có bạn độc-giả gửi đến nhà báo một bản « La chaîne », nhờ cắt nghĩa tại sao lại có cái « giây » ấy. Một câu hỏi đã lẩn-quẩn từ lâu ở trong óc tôi, mà có lẽ cũng ở cả trong óc phần nhiều người! Nghĩ vơ nghĩ vẩn, một là họ mê tín, hai là họ muốn lợi-dụng lòng mê-tín. Nghĩ thế, rồi tôi cầm bút làm luôn 10 con tính nhân:

$$
\begin{array}{r}
9 \\
\times\ 9 \\
\hline
81 \\
\times\ 9 \\
\hline
729 \\
\times\ 9 \\
\hline
6561 \\
\times\ 9 \\
\hline
59.049 \\
\times\ 9 \\
\hline
531.441 \\
\times\ 9 \\
\hline
4782.969 \\
\times\ 9 \\
\hline
43046.721 \\
\times\ 9 \\
\hline
387420.489 \\
\times\ 9 \\
\hline
3.486.784.401 \\
\times\ 9 \\
\hline
31.381.059.609
\end{array}
$$

Đó là mới tính đến lần thứ 10, các bản chép để gửi đi, đã lên tới số 9+81+729+6.561+59.049+531.441+4.782.969+43.046.721+387.420.489+3.486.784.401+31.381.059.609 = 35.303.692.059.

Nay ta tính thử xem mỗi bản chép gửi đi, vừa giấy, vừa phong-bì. . . . . , ... , thì sẽ biết hạnh-phúc về phần ai!

M. K.

THƯ GỬI CHO BẠN VỀ

VĂN - PHÁP VIỆT - NAM

IV

Trương quí-huynh,

Đệ xin đem một ít thí-dụ lấy trong phong-dao tục-ngữ hay trong các danh-ngôn, để trứng thực rằng cách dùng quán-tự trong tiếng ta cũng tinh-tế chẳng kém gì trong tiếng Pháp.

Không phải đệ không biết chú-ý đến thể-lệ riêng của tiếng Việt-Nam, khi nào phải đem một câu Pháp-văn và câu dịch của nó ra đối-chiếu, thực là sự cực-chẳng-đã. Vả, muốn tìm mẹo-luật tiếng Việt-Nam, làm sao khỏi tựa vào mẹo-luật tiếng Pháp? Có phải cũng là một cách, theo lời ông Kế-Khoa, « tài bồi các chế-độ của ta bằng tinh thần khoa-học » (vivifier nos institutions par l'esprit de la science) đó không?

Nội các quán-tự đệ kể trong thư trước, định-quán-tự *số ít* có cái nghĩa rõ-ràng hơn cả. Các chữ đó dùng đặt trên danh-tự một người, một vật, hay một sự ta biết một cách đích-xác hay có nghĩa tuyệt-đối (absolu).

1. — *Ta biết một cách đích-xác:*

— Một người học-trò và một người đi buôn cùng đi đường. *Người* học-trò bảo *người* đi buôn rằng v. v. . . (X.X.)

— *Con* cò, *con* vạc, *con* nông,
Ba con cùng béo vặt lông con nào?
Vặt lông *con* vạc cho tao. . . . .

(Chữ *con* nào in ngả là định quán-tự, chữ nào không in ngả là đại-danh-tự).

— Đi đâu chả biết *con* người Sở-khanh! (Nguyễn-Du).

— *Cái* câu « thiên kinh vạn quyển » ngày nay thực là ít nghe thấy nói nữa. (Hoàng-hữu-Đớn).

— Tiếng Annam có quả nghèo không? Anh em ta phải phá cho ra *cái* nghi-án thiên cổ đó. (Phạm-Quỳnh)

— Quốc-hồn phải có cách gì diễn xuất, biểu lộ ra ngoài thì mới đủ làm nguồn gốc cho *sự* sinh-hoạt một dân một nước. (Phạm-Quỳnh)

2. — *Danh-tự có nghĩa tuyệt-đối:*

— *Người* quân-tử không cho sự chế bác rông-rài đó vào đâu (X.)

— *Con* gà cục tác lá chanh,
Con lợn ủn-ỉn mua hành cho tôi,
Con chó khóc đứng khóc ngồi,
Mẹ ơi đi chợ mua tôi đồng riềng.
(Phong dao)

— Tiếng ta như một *cái* đất còn thiếu chất. (Nguyễn-văn-Ngọc)

— Mình đi ta ở lại nhà,
Cái dưa thời khú, *cái* cà thời thâm.
(Nguyễn-khắc-Hiếu)

— Ước gì *sự* học cao-đẳng bao giờ cũng lấy cổ-điển làm gốc.
(Phạm-Quỳnh dịch-văn)

Nếu ta đặt chữ *một* lên trên mỗi định-quán-tự kể đó, ta sẽ thấy khác nghĩa ngay.

— Vặt lông *một con* vạc cho tao, nghĩa là có nhiều con vạc, mà chỉ làm thịt có một con.

— « . . . Làm nguồn gốc cho *một sự* sinh-hoạt một dân một nước ». Nếu có chữ *một* đó thì ra một dân một nước có *hai* sự sinh-hoạt.

Danh-tự có nghĩa tuyệt-đích lại phải kiêng chữ *một* lắm:

— « *Một người* quân-tử không cho sự chế bác rông-rài đó vào đâu » nghĩa là trong số nhiều người quân-tử bận lòng về sự chế bác rông-rài, có một người không thèm cho sự đó vào đâu. Thế thì vô-ý. Làm mất nghĩa hai chữ quân-tử.

— « *Một con* gà cục tác lá tranh,
Một con lợn ủn-ỉn mua hành cho tôi, v. v...

Người đời mỉam-ai cả giống ga, giống lợn, v. v. . . chỉ kêu gào cầu lấy cái chết, không phải nói riêng một con ga, một con lợn ma thôi. Mà mỉa-mai theo nghĩa bóng; nếu thêm chữ *một* vào, chả hóa ra có một con gà biết đòi lá tranh thật, hay một con lợn biết đòi củ hành thật à?

Có thể kéo dài mãi thí-dụ ra được. Nhưng thôi, tóm tắt là: ***Một người,***

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

một con, một cái, một sự là bốn bất định-quán-tự số ít.

Nếu ta đem so với tiếng Pháp thì định-quán-tự *số ít* chỗ nào cũng phải dịch ra chữ *le* và *la*, bất-định quán-tự *số ít* phải dịch ra chữ *un* và *une*. Về số ít, quán-tự định và bất-định của ta tương-đối với articles définis và indéfinis của Pháp vậy. Nhưng về số nhiều thì không thế hẳn. Bởi thế lần trước, để không dám chua nghĩa đối-chiếu hai thứ chữ này trong hai tiếng Pháp và Việt.

Nhưng trước khi bàn đến điều đó, để hãy nói sở-dĩ làm sao, trong tiếng Việt-Nam *có lúc* lại xóa được chữ *người*, chữ *con*, chữ *cái* và chữ *sự* đi. Để không muốn đặt xe ở trước bò, mà ở giữa hai con bò như thế, là để dễ tìm những thí-dụ trong các danh-ngôn, khi nói đến quán-tự số nhiều vậy.

Tiếng Việt-Nam cũng như hết thảy các tiếng khác, không ưa câu rườm-rà. Trong câu văn có thể xóa được chữ gì, mà câu văn không mất nghĩa, chữ ấy tức phải xóa liền. Quyển Kim-vân-Kiều sở-dĩ thành một áng văn thiên-cổ, đã đành một phần nhiều ở ý-nghĩa, cảnh-tình, ở sự cấu-tạo, kết-thúc, nhưng cũng một phần ở câu văn không hề có một chữ nghĩa thừa hay nghĩa non như trong phần nhiều truyện khác. Đại khái ta không thấy trong văn cụ Tiên-Điền những câu như:

«Vân-tiên ra lệnh *một khi*.

«Truyền cao nhặt dạ *vậy thì* đuổi theo. (Lục-vân-tiên)

hay:

«Thấy nòi ai cũng *ngán-ngao làm vầy*.

«Binh ta *vô số đông thay!*

(Thạch-Sanh)

«Ra lệnh» và «truyền» đã trùng nghĩa, mà đã «ra lệnh» tất phải «vậy thì». Trong câu dưới, đã «vô-số» tất phải «đông» thay. *Vậy thì* và *đông* nghĩa thừa vậy. Còn *một khi*, *ngán ngao*, *làm vầy*, *thay*, đều là dùng non nghĩa cả.

Cố bỏ bốn chữ *người*, *con*, *cái*, *sự* đây cũng vì lẽ đó.

Phải chia làm hai «ca». Ca thứ nhứt: *người*, *con*, *cái*, *sự* kể là những phần-tử của quán-tự *kép*.

Ca thứ hai: *người*, *con*, *cái*, *sự* kể là định-quán-tự số ít.

Ca thứ nhất — Những chữ *người*, *con*, *cái*, *sự*, kể là phần-tử của quán-tự kép dùng để làm gì? Theo nghĩa đã giải-thích, các chữ đó dùng để chỉ rằng chữ để theo sau chúng là danh-tự. Vậy khi nào chữ theo sau chúng rõ-ràng là danh-tự rồi, thì thế-tất những chữ đó không cần đứng đó nữa. Ta thử xem khi nào danh-dự trong một câu văn mà lại rõ-ràng là danh-tự.

1° — Khi một chữ (đơn hoặc kép) chỉ có thể dùng làm danh-tự, không thể dùng làm trang-tự, đại-danh-tự, động-tự, hay một thứ chữ nào khác. Ví như: văn-sĩ, nghệ-sĩ, giời, đất, bể, v. v...

Bởi thế, ta không thể nói:

Tôi có các trâu.

Tôi đánh một gian,

Tôi chịu những đau-đớn;

mà phải nói:

Tôi có các *con* trâu,

Tôi đánh một *người* gian,

Tôi chịu những *sự* đau đớn.

Vì trâu, gian có thể vừa dùng làm trạng-tự trong những câu: Đồ trâu-ngựa! Quân gian! Đau-đớn có thể vừa dùng làm động-tự: ta đau-đớn vì tình. Hay nói thế này cho đúng hơn: vì các chữ đó đồng-âm với các chữ khác cùng một «họ» với chúng (homonymes de même famille).

2° — Khi khéo ghép các chữ về loại đó, cho các chữ đó rõ nghĩa là danh-tự.

Ta không thể nói: «Tôi có các trâu và các bò» nhưng có thể nói: «Tôi có các trâu bò trong trại này». Không thể nói: «Tôi đánh một gian» nhưng «Tôi đánh gian phi, tôi đuổi trộm cướp» v. v...

Ghép như thế, thì dù những chữ đó có thể dùng làm chữ khác (hay lẫn với đồng-âm của nó), nhưng tránh được những chữ *người*, *con*, *cái*, *sự*, mà quốc-văn không ưa.

Tiện thể, ta nên nhận rằng quốc-văn không ưa các chữ đó, đến nỗi lắm khi ghép cả những chữ vô nghĩa vào danh-tự, để bỏ được chúng đi.

Ví dụ:

«*Sự* mặc sao cho dễ coi, *sự* nói sao cho dịu dàng» thì nói: «Ăn-mặc sao cho dễ coi ăn nói sao cho dịu dàng».

Đó là chưa kể trong tiếng nói thường, «cái khăn» gọi là «khăn *khiếc*», «cái điếu» gọi là «điếu *điếc*», «con gà» gọi là «gà ghiệc» v. v...

Cũng bởi thế, văn ta thường dùng thể biền-ngẫu, không nói gì đến câu dài để bắt buộc độc-giả phải nhận danh-tự phải đối với danh-tự, động-tự phải đối với động tự, v. v.., như thế, tất nhiên câu văn phải rõ nghĩa, hãy nói đến những chữ đối ý trong một câu, mục-đích cũng cốt như vậy; mà cốt như vậy là để không phải dùng quán-tự:

— *Chim-chích* mà ghẹo *bồ-nông*... (Phong-dao)

— Ngẫm xem của ấy *báu* này... (Nguyễn-Du)

— *Ăn* làm sao, nói làm sao bây giờ (Ng. D.)

Thử đổi lại một chút, ta sẽ thấy quán-tự là cần:

— Tè mà húc sẻ.

— Ngẫm xem lọ ấy mực này, v, v...

Vậy khi hai danh-tự đối ý, ta cũng có thể xóa bỏ được *người*, *con*, *cái*, *sự*.

Ca thứ hai. — Khi nào bốn chữ *người*, *con*, *cái*, *sự* coi là định-quán-tự số ít, ngoài hai cái lẽ nói trên kia — trong ca thứ nhất — lại phải một lẽ nữa mới có thể xóa các chữ đó đi được. Tức là khi danh-tự dùng theo nghĩa *tuyệt-đối*:

Ví dụ:

Trăm năm trong *cõi* người ta
Chữ Tài *chữ* Mạnh khéo là ghét nhau. (Ng. Du)

(*Cõi* và *chữ* không cần theo sau chữ *cái*)

— Người chỉ hơn *vật* về tư-tưởng. (X. X. X.)

(*Vật* không cần theo sau chữ *con*)

— *Quân-tử* phòng thân, *tiểu-nhân* phòng bị gây (Phong-dao).

(*Quân-tử* và *tiểu-nhân* không phải cần theo sau chữ *người*)

Nếu danh-tự thì có cái nghĩa «*nhất-định*» vì *nhân, vật*, hay *sự*

ăn vào danh-tự đó, ta đã kể đến, hay thuộc vào một nhân, vật hay sự gì khác, ta lại phải chia ra như sau này mới giải-thích cho trôi được :

1°) *Nhân, vật, sự ta đã kể đến.* — Khi một nhân, vật, hay sự ta đã kể đến và ta nhắc lại, nghĩa là danh-tự của nó đi trước hay đi sau những chữ dùng để chỉ lên trên như *đó, ấy, thế, trên này, như trên*, v. v...), thì các chữ *người, con, cái, sự* đặt trên danh-tự đó, ta không thể xóa đi được.

Ví dụ :

— *Cái* lẽ ta phải luyện quốc-văn là thế (X. X. X.)

— Đó là *cái* tin-điều thứ nhất của tôi trong đạo quốc-gia vậy. (Phạm Quỳnh)

Vì « lẽ » và «tin-điều » đã không phải là tuyệt-đối thì xóa chữ *cái* đi, các chữ ấy thành ra số nhiều. (sau này xin nói tới, khi bàn đến chữ *các* và chữ *những*)

2°) *Nhân, vật hay sự thuộc về nhân, vật hay sự gì khác.* — Nghĩa là danh-tự đi sau là tiếp tự (complément déterminatif) của danh-tự đi trước vậy. Ví dụ : « nhà của em tôi » ; em là tiếp-tự của nhà.

Có bốn cách nói, nghĩa khác nhau hẳn :

a) Cái nhà của người em tôi.

b) Cái nhà của một người em tôi.

c) Một cái nhà của người em tôi.

d) Một cái nhà của một người em tôi.

Hai câu dưới thuộc về *ca thứ nhất* kể trên này ; vả, cũng chỉ có thể chữa được là :

c) Một nhà của em tôi.

d) Một nhà của một em tôi.

Ta không cần nói tới.

Câu *b* thường thường vẫn chữa là

b) Nhà của một em tôi.— Không cần thêm chữ cái, vì nếu muốn nói người em đó có nhiều nhà tất tôi phải nói : « các hay những nhà đó của một em tôi », hoặc muốn phản-đối cái ý « *nhiều* nhà » với « *một* em », tôi phải thêm chữ *cả* ở cuối : « Nhà của một em tôi cả ». Vậy khi nói : « Tôi đi đến nhà của một em tôi », tức là tôi đi đến *cái* nhà của một người em tôi ở, mà người em này, tôi không gọi đích danh là ai. Nghĩa là câu này chữa thế nào cũng chỉ có một nghĩa.

Đến như câu *a* thì không thế.

Nói « cái nhà của em tôi » tức là hai thứ « nhà » và « em » điều đã biết đích danh cả. Nhưng nếu muốn cho người nghe chuyện tôi chú-ý vào cái nhà hơn là vào người em, tôi nói : « cái nhà của em tôi ». Muốn cho người đó chú ý đến em tôi hơn, tôi nói : « Nhà của người em tôi » Nhưng khi tôi không cần để người nghe chú ý đến cả hai thứ đó, tôi nói : « nhà của em tôi ». Tức như trong câu : « Tôi *đi* đến nhà em tôi », độc-giả hay thính-giả của tôi chỉ cần biết sự *đi* của tôi đã tới một nơi mà các người đã biết đích-sác rồi vậy.

Tuy nhiên nếu danh-tự đi sau (complément) là một danh-tự «đặc» —không thể dùng làm chữ khác được — ta không thể thêm quán-tự lên trên nó được.

Ta không thể nói : tinh-thần của cái quốc-gia, văn-tài của cái tổ-quốc, học-lực của người văn-sĩ v.v...

Ta chỉ có thể nói : cái tinh-thần của quốc-gia, cái văn-tài của tổ-quốc, cái học-lực của văn-sĩ v. v...

Tôi nói lôi-thôi như vậy, là để tỏ rằng : cái tác-dụng của quán-tự trong tiếng ta cũng tinh-tế lắm. Xưa nay, ta chỉ hiểu-ngầm với nhau, không hề ai giảng cho ai. Nhưng có phải là chỉ « khả rĩ ý-hội nhi bất khả rĩ ngôn-truyền » đâu ! Một cái thể-lệ suốt Nước cùng theo, không có lẽ không có duyên-cớ !

Xin đem mấy cái thí-dụ để dẫn-trứng :

« Văn-chương ! văn-chương ! cứ ý ta thì người thật là *cái* nguyên-khí của quốc-gia vậy ! (Mân châu).

Tác-giả muốn cho ta chú ý đến cái nguyên-khí là *cái* mà tác-giả đem giả-thích văn-chương.

« Thưa các ông, vấn-đề của *bạn* đồng-nghiệp chúng tôi là ôngNguyễn phan-Long vừa khởi xướng lên đó, quả là vấn-đề hệ-trọng. » (Phạm-Quỳnh).

Tuy vấn-đề có hệ-trọng, mà trong lúc bấy giờ, diễn-giả phải làm cho thính-giả chú ý đến người đề xướng lên đã, chữ *ban* dùng thay cho chữ *người* quán-tự, sau này tôi sẽ nói tới.

Trong những thành-ngữ : « Ý-tưởng của *người* Âu-châu, trí-khôn của *con* người ta v. v... » cũng vậy. Danh-tự sau có quan-hệ hơn danh-tự trước.

Còn hai danh-tự đi với nhau, chữ dưới tiếp tự của chữ trên mà *không chữ nào có quán-tự cả* thì trong tiếng ta rất nhiều :

« Tinh-thần của Tổ-quốc, tiếng nói của giống nòi, da giời, mặt đất, cõi người ta, rau sắng chùa Hương, v. v... »

Hoặc là vì hai danh-tự đó ta cùng cho là quan-hệ ngang nhau ; hoặc vì cấu văn xếp đặt khéo, đã có thể làm nổi được danh-tự nào quan-hệ

Ví dụ trong câu :

Trăm năm trong *cõi* người ta,
Chữ Tài chữ Mạnh khéo là ghét nhau. (Ng. Du)

Chữ *cõi* cố-nhiên là nổi nghĩa hơn chữ người (danh-tự) là tiếp-tự của nó, vì có hai chữ : *trăm nam*.

Trái lại, trong câu :

Muốn ăn rau sắng *chùa Hương*,
Tiền đò ngại *tốn con đường* ngại xa.
(Ng. Khắc-Hiếu)

Vì có « tiền đò tốn » và « con đường xa » mà hai chữ « chùa Hương » nổi hơn hai chữ « rau sắng ».

Nói tóm lại :

1. — Khi danh-tự nào đã rõ nghĩa là danh-tự (vì nó chỉ dùng làm danh-tự, hay tiếng đôi, hay ghép với một danh-tự khác, hay có nghĩa tuyệt-đối), ta *có thể* xóa được cái phần-tử : người, con, cái, sự, của bất-tinh quán-tự đặt lên trước nó.

2. — Khi danh-tự nào chỉ vào một nhân, vật hay sự đã kể trên, nghĩa là phải đi với một chữ trong những chữ : như-trên, trên này, đó, thế, v. v. . . , ta *không có thể* xóa được định-quán-tự của nó.

3. — Khi danh-tự nào chỉ một nhân, vật hay sự thuộc về một nhân, vật hay sự khác, nghĩa là danh-dư đó đứng trước một danh-tự khác dung làm tiếp-tự của nó (complément démonstratif), ta phải tùy nghĩa, *danh-tự nào ít quan hệ hơn thì ta có thể xóa được quan-tự của nó đi.*

PHỤ - NỮ

Thế nào là nữ-quyền ?

Hạ ngòi bút viết đến hai chữ bao-la quan-trọng như hai chữ « nữ-quyền », trong lòng đã thấy phân-vân thay, buồng chi bấy nay lại vẫn công-nhận cho thuyết « nữ-quyền » là phải là hay, thì trong lòng tránh sao khỏi điều lo-ngại. Dù là người cực-lực bênh thuyết « nữ-quyền » chăng nữa, ai mà không phải nhận rằng phong-trào nữ-quyền cũng như nhiều phong-trào khác, tràn sang ta giữa buổi giao-thời, đã reo lại cho đám người tri-khi mỏng-manh, tư-tưởng rối - loạn một cái mối hại khá lớn. Nhưng đó là lẽ tất-nhiên, đã có sự hoán-cải, tất có cuộc suy-đồi, tránh làm sao được.

Người Thái-tây, chớ tưởng người Thái-tây là toàn năng, toàn thiện, họ cũng nói lắm chuyện đến nhàm, họ cũng làm nhiều cái đến ngông đến rởm, mà cái ngông cái rởm của phụ-nữ Thái-tây, ngán thay, nó lại truyền-nhiễm trước nhất và rộng nhất sang cho chị em đất Nam-Việt này. Một số rất đông chị-em ta gội được làn sóng mới, háo-hức sôi-nổi nói nữ-quyền, đòi nữ-quyền, nhưng có biết đâu việc mình làm hầu hết là sai, là dở. Người đã hiểu lẽ, tự mình biết nâng giá mình lên, thường không cần đòi quyền mà vẫn giữ được quyền, không cần nói đến hai tiếng nữ quyền mà vẫn không quên nữ-quyền ; còn cái người cứ luôn luôn hi-hửng nói nữ-quyền thì vị tất đã hiểu nữ-quyền là thế nào vậy. Ấy chính chỗ ấy ta cần phải chú-trọng đến, cần phải bàn-bạc đến một cách thật dản-dị, phổ-thông, ngõ-hầu sự phải sự trái được phân-biệt hẳn nhau ra như mầu đen mầu trắng.

Vậy nữ-quyền là thế nào ?

Đặt câu hỏi này, nhà văn-sĩ Paul Bourget cũng phải lúng-túng. Ông nói ba mươi năm về trước chữ » nữ-quyền » (Féminisme) còn chưa tìm thấy ở trong tự-vị lăng-sa. Mãi đến khi quyền tự-vị lắm năm 1900 ra đời, ông mới thấy thích nghĩa rằng : « Nữ-quyền là một cái xu-hướng cốt để làm cho số-phận người đàn-bà ngày thêm tốt-đẹp xung-xướng. » (Tendance à améliorer le sort de la femme). Câu giảng nghĩa này, theo ý ông thì tưởng như đúng mà thực lại không đúng. Ví dụ một nhà cải-lương muốn phá-bỏ luật li-dị mà lấy cớ rằng luật ấy không giữ-gìn cho người đàn-bà khỏi chịu thiệt-thòi vì cái tính thất-thường của người chồng bằng tục « trường cửu hôn-thú » Như thế, họ cũng nói là họ mong làm cho số-phận người đàn-bà được thêm xung-xướng. Vậy có phải là họ bênh nữ-quyền không? Hẳn là không, đối với các tay bênh nữ-quyền, họ chỉ là quân cừu-địch. Các người thành-thực bênh nữ-quyền hiểu nghĩa chữ « nữ-quyền » một cách khác : « Nữ-quyền là một chủ-nghĩa mà điều kiện thứ nhất là hoàn-toàn giải-phóng cho đàn-bà.»..

Bắt chước ông Paul Bourget, ta thử mở quyển Larousse năm 1931 : « Nữ-quyền là cái xu-hướng cốt để nâng cao địa-vị, mở rộng quyền-lợi của người đàn-bà trong xã-hội...» (Tendance à améliorer la situation de la femme dans la société, à étendre ses droits, etc.) Câu trả lời này hoặc nhiều người bảo là không hợp cho phụ-nữ ta lắm : Cái địa-vị mình trong xã-hội, người con gái Nam-Việt còn chưa biết rõ nữa là con gái, đến cái quyền cái lợi lại càng chán-ngán, nào ai có quyền chi mà đòi, lợi chi mà xin ! Theo ý tôi, câu nói trên chỉ là câu tiêu-biểu cho ý-tưởng của hạng người quá mẫn-thế ưu-thời, chứ ai đã ôm lòng son chen lai với đời, thì tưởng không bao giờ nên trông đời bằng cặp mắt bi-quan như vậy. Có cái chỗ đáng chú-ý là đàn-bà Pháp là người phương Tây, đàn-bà ta là người phương Đông, Đông Tây khác hẳn nhau, phong-hóa của nước khác nhau, tính-tình của người khác nhau, thì muốn giữ lấy giá mình, đòi lấy quyền mình, chị em ta không thể bắt chước y như chị em Thái-tây được.

Phấn son tô-điểm sơn-hà,
Tuyết băng giữ giá đàn-bà nước Nam.

Cắt nghĩa chữ «nữ-quyền» (Féminisme) tôi còn nhớ được câu của cô Léontine Zanta (1). Cô theo từ-nguyên, giải nghĩa rằng : cái vĩ-ngữ *isme* (2) cốt dùng để hợp thành những danh - từ chỉ các học-thuyết, chủ-nghĩa ví dụ: *calvinisme, cartésianisme, spinozisme, gandhisme, hégélianisme,* là học-thuyết, chủ-nghĩa của *Calvin, Décartes, Spinoza, Gandhi* và *Hegel.* Vậy nữ-quyền là một «khoa triết-học riêng sáng-lập ra bởi phụ-nữ (une philosiphie spécialement élaborée par les femmes). Nữ-quyền là một khoa triết-học, thì thử hỏi khoa triết-học ấy có chánh-đáng không? Tinh-thần, tình-cảm và ý-định của phụ-nữ thực quả đã tiến-hóa đến bực nào, đến nỗi ta cần phải cải-cách cả luân-lý phong-tục một cách sâu-xa như vậy? Câu hỏi ấy, rồi đây xem lại cuốn sách của Zanta nữ-sĩ,

---

4o) Nếu câu văn xếp đặt khéo, làm nổi được chữ quan - hệ trong hai danh-tự đi đôi đó, *ta có thể xóa được quán-tự của cả hai quán-tự.*

Đem các thể lệ đó mà so vào các danh-văn, đệ chưa hề thấy sai. Vậy ông bạn tôi thử so lại hộ tôi xem, thấy sai chỗ nào, phải bảo cho tôi biết. Mà có nói cho tôi nghe, phải nói gọn không đi như văn Larrive Fleury hay Léopold Sudre, chớ dài dòng văn-tự như tôi, mà tôi không đọc đâu. Tôi tính lười, ông bạn đã rõ, lại ích-kỷ, chỉ muốn viết dài chứ không muốn đọc dài !

Thơ sau, nói về hai chữ «các» và «những», tôi thử cố nói ngắn cộc xem sao!

Nay kính
Nguyễn-cát-Ngạc

(1) Cô có viết một quyển bàn về «Tâm-lý của nữ-quyền» (Psychologies du Féminisme), tôi chỉ còn nhớ được đại-khái. Nếu có thì-giờ đọc lại sẽ xin hiến các bạn độc-giả mấy kỳ sau,

(2) Vĩ-ngữ isme là vĩ-ngữ La-tinh gốc Hi-lạp.

tôi sẽ xin trả lời rõ ; nay ta chỉ nên tự hỏi thầm trong trí rằng mấy mươi năm ấy, chị em theo đuổi thuyết nữ-quyền, thì cuộc tiến-hóa đã đưa chị em lên mấy bước rồi? (tôi kiêng không dám nói đến tiếng thoái-bộ) — Chị em đã mang trong trí một chủ-nghĩa cao, tất trước hết phải có tư-tưởng, ý-định riêng, mà những tư-tưởng ý-định ấy tất cũng phải cao nữa. Vậy phong-trào vận-động nữ-quyền, nếu muốn bành-trướng ra được, tất phải chú-trọng vào chỗ tinh-thần.

Về phương diện tinh-thần quyền-lợi với nghĩa-vụ thường vẫn đi đôi với nhau, phụ-nữ càng có thêm quyền bao nhiêu, càng phải mang thêm nhiều bổn-phận bấy nhiêu, mà trong các bổn-phận, cái cốt-yếu là biết hy-sinh và tự-trọng. May sao, hy sinh và tự-trọng, hai đức tốt ấy vốn đã sẵn ở trong bản-chất của người đàn-bà, không mấy ai không có, cho nên ta có thể yên trí tin-cậy ở cái kết-quả tốt-đẹp của phong-trào nữ-quyền sau này. Nhưng, ngay từ bây giờ, ta cũng đã có thể bằng ở đây để phân-biệt việc vận-động nữ-quyền chính-đáng với những điều yêu-cầu viển-vông, những sự hành-vi rồ-dại của những cô gái rớm đời.

Trong nhiều bài của bà Maria Vérone, người đứng đầu trong cuộc phụ-nữ vận-động bên Pháp hiện nay, ta thấy bà vơ vào cho phụ-nữ bao nhiêu là nghĩa-vụ. Đòi gánh lấy nghĩa-vụ, tức là đòi giữ lấy lợi-quyền, ý-nghĩa sâu-xa của nữ-quyền tưởng gồm cả trong câu ấy.

Vậy chị em ai người muốn đòi lấy quyền-lợi trước hết phải thận trọng giữ lấy giá mình, phải hy-sinh hạnh-phúc riêng của mình cho nghĩa-vụ ; tư-cách mình càng cao lên bao nhiêu thì cái quyền của mình cũng nhờ đó mà dần dần rộng ra bấy nhiêu. Nhìn ra chị em thế-giới bên ngoài, nếu không có cuộc Đại-chiến, chị em không có dịp tỏ cái giá-trị, tư-cách của mình ra, thì phong-trào phụ-nữ có đâu được bồng-bột đến thế? Phong-tục sinh ra pháp-luật chứ không phải pháp-luật sinh ra phong-tục, nếu chị em chỉ ngóng ở chỗ lý-thuyết chẳng là hão-huyền lắm ru ?

Đinh Huy-Hạo

VẤN-ĐỀ THUỘC-ĐỊA

trong con mắt của đảng Xã-hội cấp-tiến

Mỗi lần nước Pháp mà thay đổi Chánh-phủ khác, thì người mình thường hỏi nhau : «... Rồi đây, người ta đối đãi ở xứ ta thế nào » Nay đảng Xã-hội cấp-tiến lên cầm chánh-quyền, anh em còn hỏi chúng tôi như thế nữa. Vì vậy, chúng tôi tưởng vấn-đề thuộc-địa với đảng Xã-hội cấp-tiến cũng là một vấn-đề hợp thời, nên đem nói cho anh em cùng biết.

Mà muốn nói cho tỏ-tường, theo ý chúng tôi, cần phải đọc lại một đoạn lịch-sử của đảng Xã-hội cấp-tiến từ năm 1881 (là năm nước Pháp khởi đầu đi chinh phục Tunisie) về sau. Đọc rồi, chúng ta thấy chi ?

Thấy đảng Xã-hội cấp-tiến không bài-bác sự đi chiếm trị thuộc-địa; họ bài-bác là bài-bác cách đi chiếm-trị ấy, và cách đi chiếm-trị không phải thời mà thôi. Có người hỏi chúng tôi: « Anh quên thái-độ của Clémenceau và Pelletan lúc đó rồi hay sao ? Anh không biết hai người trên đây cực lực phản-đối sự lấy Tunisie và Đông-dương hay sao ?»

Tôi xin trả lời : « Vẫn biết Clémenceau và Pelletan thật có đứng ra phản-đối sự đi chiếm-trị các xứ xa lắm ; nhưng, từ năm 1882 đến 1901, tuy là có nhiều người theo chủ-nghĩa Cấp-tiến và Xã-hội Cấp-tiến, nhưng đảng Xã-hội Cấp-tiến chưa thành-lập. Thành ra, các người Cấp-tiến chỉ hành-động một mình mà thôi; không muốn chịu mệnh lệnh của một « ủy-ban dân-chủ » vô-quyền nào cả.

Khi Gambetta và Jules Ferry cho binh đi chiếm-cứ Tunisie và Đông-dương, ông Clémenceau có đứng ra đọc mấy bài diễn-văn ở Hạ-nghị-viện vấn nạn Chánh-phủ. Ta nên chú ý về những bài diễn-văn ngày 10 Novembre 1881 (đánh với Tunisie) và những ngày 3 Novembre 1883, 12 Décembre 1883, 27 Novembre 1884, 29 và 31 Mars 1885 và 26 Décembre 1885, (đánh với Đông-Dương). Những bài diễn-văn ấy chỉ rõ rằng : « Jules Ferry muốn thực hành một cái chánh-sách thuộc-địa, nhưng không có một cái chương-trình khuếch-trương nhất định, và những người Cấp-tiến núp sau lưng Clémenceau và Pelletan đối với sự khuếch trương ấy chẳng phải có ý bài-bác bạo tợn như người ta tưởng vậy đâu ». (1)

Ngày 1er Décembre 1881, nhân việc bàn cãi về sự Chánh-phủ xin thêm tiền để đi đánh Tunisie, Pelletan hỏi Gambetta rằng : « Vậy tôi xin hỏi, cái chánh-sách của Chánh-phủ ở Tunisie, và chánh-sách ấy muốn đi về đường nào ? » Gambetta trả lời xong, Pelletan lại thêm câu nầy : « Tôi không khi nào tính bỏ liền Tunisie, ngày nào mà danh-dự và quyền-lợi nước Pháp có chỗ dàm bọc chắc chắn rồi, chừng đó có lẽ nói đến sự ấy mới được. » Gambetta mới nói : « Tôi không lấy làm lạ » mà nghe ông lãnh-tụ cấp-tiến tuyên-bố như vậy, « bởi vì chính ta là một *người Pháp nói* chớ chẳng phải người ở bên phía phản-đối ». Tuy thế, tòa nội-các Jules Ferry cũng bị đánh nhào.

Clémenceau và Pelletan trách tòa Nội-các Jules Ferry là trách sự dấu nhẹm cái tình-thế rắc-rối ở Nam Phi-châu, mà tính làm càn, không cho ai kiểm-soát, mà sự làm càn này các dân-biểu không định đoạt, không bằng lòng chút nào. »

Qua đến vụ Bắc-kỳ, thì Clémenceau vịnh theo lẽ Jules Ferry nghe lời Bismarck mà tỏ hai châu Alsace và Lorraine đi ; không lo chi cho bằng việc bảo-thủ nước nhà ở Âu-châu, lại lo đem binh đi đánh ở đất nước xa-xôi. Tòa Nội-các sau khi binh Pháp lấy Lạng-Sơn rồi, lại bị đổ nhào xuống nữa !

CẤP-TIẾN VÀ XÃ-HỘI CẤP-TIẾN

Lịch-sử đảng Cấp-tiến

Ở nước Pháp, từ 80 năm về trước, đảng Cộng-hòa đã thấy chia làm hai xu-hướng khác nhau, ta hãy lần-lượt kể tên các lãnh-tụ: dưới thời quân-chủ tháng bảy (Louis Philippe) có Armand Marrast với Ledru Rollin; dưới thời đế-chính có Emile Ollivier với Jules Simon; đến thời đệ-tam dân-chủ thì Thiers, Gambetta, rồi đến Jules Ferry với Clémenceau.

Chữ Cấp-tiến (Radicalisme) cũng không mới-mẻ gì, nó vốn gốc ở Anh đã truyền vào chính-giới Pháp từ đời vua Louis Philippe.

Sau một thời-kỳ chủ-nghĩa Cấp-tiến lẫn vào với chủ-nghĩa Cộng-hòa, người ta lại nói tách nó ra vào hồi đệ-nhị đế-chính suy-nhược. Bắt đầu từ đấy, đảng Cấp-tiến có nền-tảng hẳn-hoi.

Năm 1868, Jules Simon viết một quyển sách lớn bàn về triết-học của chính-trị, bày rõ chính-sách Cấp-tiến, cả tôn-chỉ lẫn chương-trình cải-lương.

Năm sau, 1500 cử-tri hạt Seine gửi cho ông Gambetta (người ra ứng cử hạt ấy) một tập thỉnh-cầu và một bản chương-trình dân-chủ Cấp-tiến, đó là «bản chương-trình Belleville», nền-tảng của chương-trình Cấp-tiến sau này.

Theo ý-kiến ông Jules Simon và chương-trình Belleville, các điều yêu-cầu đại-khái có:

— Đòi quyền tự-do ngôn-luận, tự-do hội-họp và tự-do lập đảng; thực-hành một cách thành-thực chế-độ toàn-dân bảo-cử, phân-biệt quốc-gia với giáo-hội.

— Dùng phép bảo-cử để trọn các quan Tòa;

— Cải-cách sưu thuế cốt để lập một thứ thuế duy nhất;

— Thay chương-trình sơ-học không để tôn-giáo can-thiệp, bỏ học-phí và bó-buộc ai cũng phải đi học; hết hạn ấy, đặt kỳ thi kén học-trò lên lớp trên, học lớp trên cũng không mất học-phí;

— Bãi các quân đội vĩnh-viễn.

Sau khi nền quân-chủ đã bị phá-hoại hẳn, không còn cơ gì trung-hưng được nữa, đảng Cấp-tiến mới quây-quần quanh ông Clémenceau và Camille Palletan, hai nhà sáng-lập báo « Công-lý » (La Justice), và . . . . . hẳn bắt đầu từ năm 1800. Họ bèn thêm vào chương-trình Belleville mấy điều yêu-cầu thay đổi Hiến-pháp (xin bãi Thượng-nghị-viện hay là thay đổi cách bầu Nguyên-lão-nghị-viên) và cải-cách trong xã-hội. Bởi vậy, một số hội-viên cấp-tiến mới lấy thêm hai chữ «xã-hội» đặt kèm vào tên chủ-nghĩa của mình.

Sau một thời-kỳ tranh-cạnh với phái Tùy-thời (1), đảng Cấp-tiến và Xã-hội Cấp-tiến được thắng số ở kỳ tổng-tuyển-cử năm 1898, và từ đó thanh một đảng Chính-phủ. Họ đã thực-hành được nhiều khoản trong chương-trình, thí dụ: luật lập đảng (1901), dảm hạn tại-ngũ của lính (1905), hưu-bổng của thợ-thuyền (1910), thuế lợi-tức (1917). còn những sự cải-cách trong học-giới thì đã thi-hành từ năm 1881, dưới Chính-phủ Jules Ferry, do cánh Tùy-thời yêu-cầu. Cũng có nhiều điều yêu-cầu của chương-trình cũ, như việc sửa đổi lại Hiến-pháp và bảo-cử các quan toà, nay đã bị bác bỏ hẳn đi rồi. Còn những điều khác hiện nay tuy chưa thực-hành, nhưng đảng Cấp-tiến vẫn vững lòng theo đuổi, đó túc là then-trốt bản chương-trình.

Tại sao tôi theo chủ-nghĩa Xã hội Cấp tiến ?

Đó là đầu đề một cuốn sách (2) xuất-bản năm 1928, của ông Édouard Herriot viết, tôi xin trích và lược dịch một đoạn, các ngài xem đó sẽ thấy đảng Cấp-tiến với đảng Xã-hội khác nhau những thế nào.

«... Tôi tuy kính-phục ông Jaurès (4) mà tôi cũng không thể vào đảng Xã-hội. Tại sao vậy? Trong mấy kỳ hội-nghị năm 1880, đảng Lao-động đã ấn-định bản chương-trình mục-đích cốt để giải-phóng các thợ thuyền, đặt vào trong tay giai-cấp lao-động hết thảy các khí-cụ làm việc, như nhà may, ruộng-đất, ngân-hàng, tầu bè v. v., để đem quyền sở-hữu công-cộng thay vào quyền sở-hữu cá-nhân. Chương-trình ấy sau đã thực-hành được một phần lớn... « Song le, giới-hạn bản chương trình ấy còn trật-hẹp lắm, nhất là nhà lãnh-tụ Jules Guesde lại công-nhận cái định-lý rằng « cảnh-huống lẻ-loi là cảnh-luống thông-thường của loài vật, mà cảnh-huống xã-hội và tập-hợp mới là cảnh-huống của người ta », thì cái triết-lý ấy xem thật có vẻ sơ-sài nghèo-ngặt quá. Nhà lãnh-tụ ấy lại phát-minh ra ý-kiến rằng bất cứ làm công-việc gì, hết thảy mọi người đều phải được trả công

---

Coi đó thì thấy rõ rằng bọn Cấp-tiến kích-bác là kích-bác sự đi đánh xứ xa-xôi, tốn người hao của, để hoãn lại những việc cải-tạo cần-cấp, và làm cho quân lính trong nước yếu bớt xuống đi; chớ thật tình, đã có động chi đến cái nguyên-tắc đi chiếm-trị thuộc-địa. Từ năm 1885 (giặc Bắc-kỳ), về sau đảng Xã-hội cấp-tiến sản-xuất nhiều tay rành về việc thực-dân, cai-trị thuộc-địa như Maurice Long, Albert Sarraut, Steeg. Chính nhờ đảng Xã-hội cấp-tiến, nên Pháp mới chiếm Soudan được. Từ ấy đến nay những lý-thuyết về thực-dân của họ càng ngày càng rõ-ràng thêm.

Ông Albert Sarraut trong quyển « Servitudes et grandeurs coloniales » đem đủ lời lẽ ra binh-vực cho những lý-thuyết ấy. Ta có thể rút cut quyển « Servitudes et grandeurs coloniales » lại, dồn vào câu này: « Sự đi chiếm thuộc-địa không có trái chi với nhân-đạo cả. Trái lại, vì nhân-đạo, nên các nước mạnh mẽ văn-minh mới đi tìm các xứ xa, yếu-đuối dã-man mà cai-trị »

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

Vân-Trình (*Sài-thành*)

(1) Jammy-Schmidt (Les grandes thèses radicales) Editions des Portiques.

THỜI ĐÀM

Những ngày . . . . của Annam mình

Dân Annam mình ngủ gà ngủ vịt hoài, lúc bị ngọn đuốc văn-minh chiếu ánh sáng trói-lọi vào mắt mới bừng mắt choàng giậy, trông thấy người ta như tiên, người mình như khỉ, bèn in sâu ngay vào óc cái quan-niệm mình đều là khỉ mà người đều là tiên. (Cái khỉ của mình, không phải là không có đâu, nhưng cũng có cái khỉ, cũng có cái tiên, chứ lẽ nào lại khỉ cả?) . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

Không biết ai nghe câu này cảm-tưởng thế nào, chứ hiền-lành như tôi, trước đây ít lâu, tôi nghe thấy ai nói câu này tôi cũng muốn tặng cho dăm bảy cái t... Trước đây ít lâu thì thế, nhưng bây giờ thì không thế nữa: bây giờ tôi tin hẳn là phải.

Xin ví dụ một việc gần như cái tết mồng ba tháng ba và tết mồng năm tháng năm mới đây, Annam ta ai cũng đều biết là ngày kỷ-niệm ông Giới-tử-Thôi và ông Khuất-Nguyên bên Tàu, mà ai nấy cũng vẫn ăn, vẫn nhớ kỷ-niệm, lại mời cả tiền-nhân về dự cuộc lễ kỷ-niệm ấy nữa, nào có ai nghĩ rằng làm thế là nhắc lại cái t ời-kỳ nội-thuộc Tàu, cái thời-kỳ phải săn voi mò trai cống Tàu, là một sự đau lòng, là một điều sỉ-nhục ở đâu!

. . . . . .

. . . . . .

sao không kỷ-niệm các bậc anh-hùng cứu-quốc nước nhà. . . .

. . . . . .

Vậy thiết-tưởng ai là dân Annam mà không biết ghi nhớ những ngày này:

— Mồng 5 tháng giêng: Giỗ trận Đống-Quang.

— Mồng 6 tháng hai: Hội hai Bà (hai bà mất).

— Mồng 10 tháng ba: Hội Hùng-vương; vua Đinh-Tiên-hoàng lên ngôi.

— Rằm tháng tư: Vua Lê-thái-tổ lên ngôi.

— Mồng 4 tháng năm: Trần-Hưng-Đạo đánh quân Nguyên ở Van-kiếp[1]

Các ngày trên này tôi coi là ngày to nhất trong lịch-sử, rất nên kỷ-niệm, còn ngoài ra, tết nguyên-đán không kể, ai có muốn giữ tết tháng 8 cho trẻ con và tết 23 tháng chạp cho ông Táo thì tưởng cũng chẳng hề chi . . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

Đ. H. H.

(1) Hội Van-kiếp mở vào ngày 20 tháng 8, nhưng ngày ấy lại là ngày đức Hưng-đạo mất, tưởng chẳng nên mừng.

Bõ công đèn sách dùi mài...

Năm nay, anh em học-sinh ai được phần thưởng to lấy làm khoái lắm, khoái nhất là được một cuốn «Niên lịch thông-thư».

Phải, trong mùa viêm-nhiệt này, một sự tắm-gội thiệt quả đã thành một vấn-đề quan-trọng, nếu không tra «Niên lịch thông-thư», không trông lấy ngày lấy giờ mà tắm gội, cứ ngày nào cũng rội hi-hụp, hay là mới cách dăm ba hôm đã tắm một lần rồi, thì có khi phạm ngũ-hành mà chết không kịp ngáp chớ không chơi.

TIN VẮN

Nước nhà.— Nghệ-an, 2 Juin, chiếc xe hơi chở hai tội-nhân mắt bịt kín từ nhà-pha Thanh-chương ra nơi hành-hình. Hai người ấy là: *Đặng-Yêm* và *Trần-văn-Nhân* can tội đã giết chết hai viên bang-tá nguyễn-Hy và Trần-Cự.

Pháp.— Nội-các Herriot tuyên-bố tại Nghị-viện rằng: Mặt nội-trị Chính-phủ sẽ theo đuổi chính-sách chấn-chỉnh nền tài-chính một cách mau-tróng, mở việc công-tác lớn để cứu nạn thất-nghiệp, tổ-chức lại việc vận-tải, đem các phương-pháp bảo-hộ kinh-tế dung-hợp với các chính-thể rộng rãi về mặt hối-đoái và hiệp-ước quốc-tế. *Chính-phủ sẽ theo cái chính sách rất nhiệt-thành về việc khuếch-trương kinh-tế và xã-hội ở các thuộc-địa*, sẽ lo chấn-chỉnh việc bảo-hiểm xã-hội và mở rộng việc cứu-giúp người thất-nghiệp. *Sau cùng, Chính-phủ sẽ giữ cho ngạch trung-học được không mất tiền và thực-hành bản dự-án về việc đại-xá tù chính-trị.*

Mặt đối-ngoại, Nội-các cốt mưu cuộc hòa-bình cho Âu-châu và Hoàn-cầu và nhờ ở các bạn đồng-minh cũ. Nội-các lại rất chú ý đến vấn-đề nợ bồi-thường.

Bỏ phiếu tín-nhiệm, Nội-các được 300 phiếu hoan-nghênh và 152 phiếu phản-đối.

— Đảng-viên Công-Hòa tả-đảng chẳng đồng-ý nhau, 26 ông bỏ phiếu tín-nhiệm Chính-phủ, 35 ông không bỏ phiếu. Ông Tardieu bất-bình lập ra một chính-đảng khác, đặt tên là Trung-Ương Công-hòa (Centre Républicain), hiện đã có hơn 30 đảng-viên, chương-trình đại-khái là mưu hòa-bình, giữ trật-tự, trọng điều-ước, bênh-vực công-quỹ canh-nông, kỹ-nghệ và thương-mại.

— Hôm 13 Juin, Thủ-Tướng Herriot đã cùng ông Mac Donald, Thủ-tướng Anh và hai ông Sir John, Paul Boncour từ-đã Paris đi Genève, họp Hội-nghị Tài-binh.

Trung-Hoa.— Mã-chiếm-Sơn đã rời Cáp-nhĩ-tân rút về giữ vững đông-bắc tỉnh Hắc long-giang. Quân Nhật có phần thắng thế hơn.

Nhật.— Doãn-phùng-Cát, người Cao-ly ném bom ở Hồng-Khẩu, đã bị giải về Nhật và tra-khảo rất tàn-nhẫn. Song Doãn nhất-định không cung khai các đồng-chí, chỉ xin được mau chịu tử-hình.

Ấn-độ — Tính ra đã có đến 200 người chết, 2000 người bị thương mà tình-hình Ấn-độ vẫn chưa yên. Trong nhà pha, Ông Gandhi đương kiên-tâm thí-nghiệm một cái may dệt mới đạp bằng chân, hình như Ông không nghĩ gì đến sự tha ra nữa.

CÔNG SON

(sổ quyên giúp đồng-bào bị nạn)

Bản-chí mới nhận được của:

cụ Ký-Dương, Hàng Gai . . . 5$00

và bà Ngô-thúc-Địch,

Hàng Khoai. . . . 50.00

Cộng. 55,00

Xin có lời chân-trọng-cảm tạ cụ Ký và bà cử Ngô.

A. N. T. C.

— An-Nam tạp-chí thỉnh-thoảng lại phải một kỳ ra chậm, chỉ vì một cớ riêng, xin các độc-giả lượng-xét.

— Từ nay, các quý-độc-giả thay đổi chỗ ở xin cứ viết thư về cho biết, không cần phải trả 0$20 tem.



VĂN-ĐÀN

THI-ĐÀN GIẢNG-TẬP

Cùng ông Bùi-xuân-Diệm bài thơ « Vịnh bà Triệu »

(Coi lại số 44, Phụ-trương)

Bức thư của ông *Bùi-xuân-Diệm* viết cho tôi, ngày 2 Juin, đã đăng ngay ở kỳ 44 trước đây; nay xin đáp lại ông về phần tôi có những ý-kiến.

Đối với sự giảng giải bài thơ « vịnh bà Triệu » đăng ở hai kỳ 42 và 43, đại-ý trong thơ ông Diệm có hai điều :

1. — *«Toàn bài nên bỏ cả, mà cũng không cần giảng-tập làm gì.»*

2. — Về câu thứ ba, ông muốn theo như ý ông Nghị mà cho là *« nó không có ý nghĩa gì cả ;»* cho nên ông không biểu đồng-tình cùng tôi khen câu ấy là hay.

Nay xin thưa ông Diệm biết rằng:

Cứ như nguyên-văn bài thơ ấy, nếu là của một người nào gửi lại giảng-tập, có lẽ tôi cũng không đăng lên Thi-đàn mà làm việc giảng-giải vậy. Song như, thơ là thơ của ông cử Dương-bá-Trạc ; lời giảng-giải thời là lời của ông Phạm-văn-Nghị, mà khen là *bài thơ rất hay*. Nếu trong Văn-đàn lấy tự ý bỏ đi, sợ rằng ông Nghị cùng một đôi người khác hoặc sẽ cho tôi là có lòng đố-kỵ mà trầm bỏ cái hay của xã-hội. Bởi một lẽ tỵ-hiềm ấy, cho nên đăng bài giảng-tập của ông Nghị ở số 42, thực là có chỗ bất-đắc-dĩ. Đăng bài giảng-tập ấy mà nếu không có sự giảng-giải tiếp theo ở kỳ sau, thời tức như trong văn-đàn cũng biểu đồng-ý với ông Nghị mà nhận bài thơ đó là rất hay, cho nên bài giảng-tập ở số 43, cũng lại là bất đắc-dĩ vậy. — Đã có bài giảng-tập tiếp theo, mà trong tám câu thơ lại đã hủy-hoại đi đến sáu ; còn hai câu nữa, nếu không có sự phê-bình hơi rộng bút, e rằng nghiêm-khắc có quá mà không còn trung-hậu chút chi. Cho nên như hai câu *tam, tứ*, tôi khen là *rất hay*, nghĩ cũng hơi là quá đáng vậy. — Nay xin truyên luận về hai câu tam tứ ấy.

Cứ theo cách quá-khắc mà bình luận, thời không những câu *tam* chưa hẳn đã là hay ; mà câu *tứ* cũng còn có chữ đáng trì-trích. Như một chữ « *đạn* » trong câu ấy, không hẳn rằng đời ấy đã có như thế chưa ? mà dù đời ấy đã có, cũng không hẳn là quân Ngô đánh nhau với bà Triệu đã có dùng đến như thế chưa ? — Tóm lại, ông Diệm đã nghĩ biết *« nghề thơ rất khó »*, thời như thi-giới lúc này, hai câu thơ đó, cũng nên rộng kể là hay vậy. Nay xin truyên-luận về một câu thứ *ba*.

Cứ như câu thơ *thứ ba* trong bài ấy, theo lối thơ Tây mà giảng-giải thời tôi chưa dám biết như sao ; theo lối thơ Tầu thời câu ấy nên nhận nghĩa rằng : *« Vùng-vẫy non sông, cái người ba thước vủ »*. Tức là : (*cái người ba thước vủ ấy vùng-vẫy non song*) vậy.

— Xem như câu :

玉 爾 不 綠 歸 尸 角

Ngọc-tỷ bất duyên qui nhật-giác.

錦 帆 應 是 到 ? 滙

Cẩm-phàm ưng thị đáo thiên-nha.

Hai chữ 日角 *nhật giác*, nghĩa là: cái xương ở chỗ trán, lồi cao lên, trông lộ ra như hình mặt giời. Ở Trung-quốc đời xưa cho như thế là cái tướng Thiên-tử. Hai câu thơ này đại-ý chỉ là nói: *«Nếu thiên-hạ không về vua nhà Đường, thời ông vua Rạng-đế nhà Tùy còn đi chơi chưa biết đến đâu »*. — Cứ các chữ trong câu thơ, thời phải nhận nghĩa rằng : *« cái ấn bằng ngọc, nếu không về tay cái người trán lộ mặt giời ; thời cái buồm-gấm kia có khi còn đi đến tận chân giời vậy. »* — Hai chữ *« cẩm phàm »* là *«buồm gấm »*, trỏ sự đi thuyền chơi Giang-đô của Tùy Rạng-đế. - Ấy theo lối thơ tàu có thể đặt như thế, mà sự nhận nghĩa nên như thế. Hai chữ *« nhật-giác »*, tức là nói : *cái người có cái tướng trán lộ mặt giời* vậy. — Nay như câu thơ ấy mà nếu cứ nhận thẳng nghĩa rằng : *– Cái ấn bằng ngọc, nếu không về cái trán lộ mặt giời* — Như thế thời thật thấy *«đối nghĩa»*, mà người không quen nghe, tất nhiên nghe không ra làm sao.— Ông Diệm hiểu đồng-tình cùng ông Nghị, cho câu thơ ấy của ông cử Dương là *không có ý nghĩa gì*. Hoặc là truẩn lối thơ tây mà nhận nghĩa thơ tầu vậy. Cho nên tôi xin vì câu thơ ấy biểu bạch rõ nghĩa. *« ba thước vủ »* tức là nói *« cái người ba thước vủ »*.

Nay muốn đặt ba chữ ấy trong câu thơ cho được rõ nghĩa hơn nữa, tôi xin lại sửa cả *bốn câu dưới*, xếp lại bài như sau. Mong được Chư-vị tường xét.

Giấc mộng con thứ hai

đã có bán . . . **0$25**

Đài gương Kinh

đương in . . . . .

Vịnh bà Triệu

Mi-linh khuất bóng, gái còn ai?
Bà Triệu nhà ta cũng tướng-tài.
Chiến đồ quấn ngang ba thước vú;
Rừng xanh nhô dọc một đầu voi.
Trăm năm chăn gối quăng lòng tục;
Nửa bức non sông gánh nợ đời.
Thua được cũng cho Ngô biết mặt.
Lam-san còn có kẻ tài trai.

Tản-Đà

THƠ

Vịnh bức vẽ người gánh ở sau bìa An-nam tạp-chí (H. Lọng)

Kia ai mải gánh quãng đường xa.
Gồng gánh chi mà nặng thế a?
Ấy món kinh-luân cùng vũ-trụ!
Hay phương hồ-cửu lấy san-hà!
Lưng eo vai chĩu, đường xa thẳm:
Đất rộng giời cao, bóng sẽ tà.
Mới biết có thân nên có gánh,
Ai về nhắn-nhủ chị em ta.

Đào-tuấn-Ích
Lục-sự Thạch-an
(Cao-Bằng)

Thanh-gia cảm tác

Mây bay nước chảy bóng trăng tà.
Đối cảnh mong người lại nghĩ ta.
Báo-đáp ngậm-ngùi lòng tấc cỏ,
Tao-phùng vắng-vẻ mặt tài hoa.
Sách đèn vẫn nhớ đàn con trẻ,
Dao bút chưa quen xáo lại già.
Trăm tuổi hãy còn hơn bảy chục,
Tang bồng nặng gánh bước đường xa.

Nguyễn-tiến-Bảng
(Thái-bình)

CA RỪNG

(Mấy câu ca rao của người Thổ châu Văn-chấn (Yênbay).

Ngày tết, con giai hát ghẹo một người con gái mới đi lấy chồng

Chiêng thoong kinh poóc phung phoống xuân,
Poóc quý thống sam lôn ni ti noộng pít. chụ tiều nhi mưa phua, nam ha chỗ lay ló khôn khổ, hở pò piếng mẻ ép liềng ép mẻ nàng sao, sên mứa mẻ khôm khổ hở po piếng mẻ khai khá hầu dươn câu cai sơ thang pít cáy đêm phứa thêm đêm may páu thăng, đêm lo thêm đêm đía áu thiếu, mủ nang cai yên nêu pên nàng.

Bài dịch ra tiếng an-nam

Tháng riêng, hai, mùa xuân hoa nở,
Bông hoa kia hớn hở tùy nơi.
Mẹ cha ép gả cho người.
Chứa-chan giọt lệ, nghẹn lời nói ra.
Nay phải đi chung nhà kẻ khác,
Bỏ nhân-nghĩa ơ-ngác khổ chưa?
Trước kia còn tưởng nói đùa,
Nay thành ra thật, cay-chua đủ điều.
Vạt áo đứng thẳng-thỉu sinh gọn,
Làm cánh gà ấp bọn thơ-nhi (1)
Củi mục nào có thiếu chi (2)
Nhưng mà gỗ tốt biết hỉ tìm đâu?
Giống nòi chang phải cậu cũng chán,
Duyên không may t-thán nỗi gì!
Chúc cho đôi chữ vu-quy.
Sao cho xứng-đáng nữ-nhi con nhà.

Người con giai nghèo đi rừng tự than

Khôm lai thân xấu, lẹ lục rướn giấu— Thân ban lẻ lục rướn khổ,— Kin khẩu giá, co hẩu đẩy dú đai — Kin ngái hẩu đẩy dú náu đơ — Mự mư phắc pa khẩu đông lảu pau quang Mự mư phắc pạ khẩu đông ngoang pau nạn tơdở.

Bài dịch ra tiếng an-nam

Người ta cũng một kiếp người,
Giầu sang nhàn-hạ, sao tôi thế này?
Nghèo nàn cơ-cực lắm thay!
Ăn rồi vác củi cả ngày trên vai.
Bạn sơn-dương, bạn hươu-nai,
Hễ rời dao búa, chẳng ai đỡ-đần.

Câu hát đi làm ruộng

Săm nấu đé pản la,— né xấu lẹ pên mẩu— Thân pi nhẳng pên tổ nộc pản là mướng— né xấu lẹ nạn hang — thân pi nhẳng pên tô nộc khoa là bản — Bươn xíp xấu tan khâu-thân pi ước rử đẩy quyết pau day nang— Bươn cẩu xấu tan ná — Thân pi ước rủ đẳng tan khẩu và lận hép.

Bài dịch ra tiếng annam

Ruộng người lúa đã chín rồi,
Anh như chim sáo đang chơi khắp làng.
Ruộng người lúa đã chín vàng,
Gà lôi anh hỡi! lang quàng phí công.
Tháng mười đã gặt lúa đồng,
Anh còn thơ-thẩn ngoài đồng trông sao.
Tháng chín gặt lúa ruộng cao,
Anh còn thơ-thẩn ra vào đợi em.

(còn nữa)

Nguyễn-tiến-Lãng (Yên-bái) sao lục

(1) Nói diễu người con gái đang son-sẻ lấy chồng, có con thành ra mẹ gầu.

(2) Ví người chồng tầm-thường như củ mục, như nứa, tìm đâu mà chẳng có.

VĂN DỊCH

Le lac

Ainsi, toujours poussés vers de nouveaux rivages,
Dans la nuit éternelle emportés sans retour,
Ne pourrions-nous jamais sur l'océan des âges
Jeter l'ancre un seul jour?

O lac! l'année à peine a fini sa carrière,
Et près des flots chéris qu'elle devait revoir,
Regarde! je viens seul m'asseoir sur cette pierre
Où tu la vis s'asseoir!

Tu mugissais ainsi sous ces roches profondes;
Ainsi tu te brisais sur leurs flancs déchirés;
Ainsi le vent jetait l'écume de tes ondes
Sur ses pieds adorés.

Cái hồ

Con thuyền thế-hải lênh-đênh,
Giữa đêm vô-hạn đưa mình đến đâu?
Thuyền chài ha trở lại nào,
Một ngày muốn chậm cắm sào được ru?

Hồ ơi! đã thấm chưa hồ,
Năm tàn đã cướp mất Hoa đi rồi!
Năm xưa hồ ngắm Hoa cười,
Bây giờ mặt sóng ngậm-ngùi một ta.

Năm xưa cũng giống bây giờ,
Sóng còn kêu thấm bên bờ thạch-tân.
Gió đưa làn bọt trắng ngần,
Yêu Hoa, dào-dạt qua chân ngọc-ngà.

Hồ

...Ừ rồi cứ chôi đi mãi mãi,
Quãng đêm trường quay lại được đâu?
Bể trần sóng vỗ bạc đầu,
Rừng chèo một phút cùng nhau được nào!

Này hồ hỡi, năm nào đã hết.
Mà, than ơi! nàng biết hồ rồi!
Hoài nhìn phiến đá nàng ngồi,
Lẻ-loi én lạc, ngậm-ngùi mình ta.

Dưới chân núi hồ la hồ vỗ,
Quanh sườn non sóng đỗ tử-tung.
Thủy-chiều theo ngọn thu-phong,
Dạt-dào thấm mới thấm lòng người yêu.

Un soir, t'en souvient-il? nous voguions en silence;
On n'entendait, sur l'onde et sous les cieux
Que le bruit des rameurs qui frappaient en cadence
Tes flots harmonieux.
Tout-à-coup des accents inconnus à la terre
Du rivage chargé frappèrent les échos;
Le flot fut attentif, et la voix qui m'est chère
Laissa tomber ces mots:
« O temps, suspends ton vol, et vous, heures propices,
« Suspendez votre cours!
« Laissez-nous savourer les rapides délices
« Des plus beaux de nos jours!
« Assez de malheureux ici-bas vous implorent
« Coulez, coulez pour eux;
« Prenez avec leurs jours les soins qui les devorent,
« Oubliez les heureux.
« Mais je demande en vain quelques moments encore,
« Le temps m'échappe et fuit;
« Je dis à cette nuit « Sois plus lente »; et l'aurore
« Va dissiper la nuit.
« Aimons donc, aimons donc! de l'heure fugitive,
« Hâtons-nous, jouissons!
« L'homme n'a point de port, le temps n'a point de rive,
« Il coule et nous passons!
Temps jaloux, se peut-il que ces moments d'ivresse,
Où l'amour à longs flots nous verse le bonheur,
S'envolent loin de nous de la même vitesse
Que les jours de malheur?
Hé quoi! n'en pourrons-nous fixer au moins la trace
« Quoi? passés pour jamais? Quoi? tout entier perdus!
Ce temps qui les donna, ce temps qui les efface,
Ne nous les rendra plus.
Éternité, néant, passé, sombres abîmes,
Que faites-vous des jours que vous engloutissez?
Parlez: nous rendrez-vous ces extases sublimes
Que vous nous ravissez?
O lac! rochers muets! grottes! forêt obscure!
Vous que le temps épargne ou qu'il peut rajeunir,
Gardez de cette nuit, gardez, belle nature,
Au moins le souvenir!
Qu'il soit dans ton repos, qu'il soit dans tes orages,
Beau lac, et dans l'aspect de tes riants coteaux
Et dans ces noirs sapins, et dans ces rocs sauvages
Qui pendent sur tes eaux!
Qu'il soit dans le zéphir qui frémit et qui passe,
Dans le bruit de tes bords par tes bords répétés!
Dans l'astre au front d'argent qui blanchit ta surface
De ses molles clartés!
Que le vent qui gémit, le roseau qui soupire,
Que les parfums légers de ton air embaumé,
Que tout ce qu'on entend, l'on voit ou l'on respire,
Tout dise: « Ils ont aimés! »

A. de Lamartine

Hồ ơi! còn nhớ bao giờ!
Chiều giời bảng-lảng mặt hồ mông mênh.
Cùng Hoa một lá lênh-đênh,
Sóng ngân họa dịp, chèo tinh lỏng tay,

Bỗng như tiếng hạc trên mây,
Nghe thanh-thảnh động cỏ cây bên bờ.
Nghiêng tai sóng cũng thẫn-thờ,
Dọng Hoa sang-sảng, tiếng Hoa não-nùng:

« Thì giờ hãy khép cánh hồng!
« Ngày vui xin hãy ngắt dòng chảy xuôi!
« Cho ta nếm thú trên đời,
« Thú này há có đợi người này đâu?

« Bao người ốm thảm đau sầu,
« Kiếp phong-trần những kêu cầu chảy xuôi.

« Thì giờ xin hãy nể nhời,
« Mang người khổ-não, quên người xướng-vui

« Nằn-nì một khắc khôn nài,
« Thì-giờ thôi đã bỏ người trốn đi.
« Vừa than: « Đêm vội làm gì? »
« Vầng đông đã mọc, đêm đi xa rồi.

« Yêu nhau, yêu lấy kẻo hoài,
« Tháng ngày nào có chờ ai bao giờ!
« Đời không bến, tuổi không bờ,
« Đời người nước chảy, thì-giờ bóng chôi!»

Ngày vui sao chẳng thấy dài?
Ngày buồn đằng-đẵng gấp hai thu chầy!
Cái « thì-giờ » khéo chua cay,
Gian người âu-yếm cướp ngày thú-vui!

Ngày vui đi mất, mất rồi,
Nào nào thấy vết, thôi thôi nhọc lòng.
Cái ngày hôm ấy vui chung,
Cái ngày nào nữa tương-phùng với nhau?

Hư-vô, dĩ-vãng: vực sâu!
Biết bao hạnh-phúc, dìm đâu mất rồi?
Nỡ nào cướp cả ngày vui?
Bao giờ lại được nối lời thề xưa?

Này rừng, này động, này hồ,
Nghìn năm còn mãi trơ-trơ với đời.
Đêm xưa ghi hộ cho người,
Chuyện xưa chép lại lấy nhời đôi ta.

Khi gió lặng, khi sóng va,
Trên doi hoa nở, bên bờ thông reo,
Cành lan bên đá treo-leo,
Xin cho phảng-phất bóng chiều hôm xưa.

Âm-ầm khi sóng vỗ bờ,
Hiu-hiu khi gió thổi qua ngang giời.
Trong vầng thỏ bạc chơi-vơi,
Xin cho phảng-phất cảnh người đêm xưa,

Xin rằng: gió thán, lan ca,
Hoa bay man-mát, hương đưa ngạt-ngào.
Trên đất thảm, dưới giời cao,
Còn ghi câu chuyện: « Cùng nhau chung-tình ».

Lý-Nguyên-Bách
Đ. H. H. sao lục

Nhớ chăng hỡi, buổi chiều hôm đó,
Ta cùng nàng thả lá thuyền lan.
Trên mặt nước, dưới mây ngàn,
Chỉ nghe chèo quế, đập làn sóng thu.
Bỗng sang sảng tiếng đâu nghe lạ,
Ngân dài ra, vang cả bên bờ.
Người ngao-ngán, sóng ngẩn-ngơ,
Não-nùng mấy tiếng trên hồ thỏ-than.
« Thời-gian hỡi, hãy khoan-khoan đã,
« Đi đâu mà tất-tả tơi-bời!
Kiếp trần được mấy ngày vui,
« Để ta tận-hưởng lộc trời đã nao.
« Khách đoạn-trường biết bao người gọi,
« Chỉ mong sao bặt tủi là vui.
« Cuốn đi cho họ hết đời,
« Mà xin dừng bước cho người đương vui.
« Ta những muốn đôi hồi thong-thả,
« Nhẹ tên bay giờ đã đi rồi;
« Đêm vui, vui được mấy hồi;
« Vừng đông sắp rạng, mặt trời sắp lên;
« Cuộc tình-ai êm-đềm được mấy?
« Mau chân lên hương lấy tuổi-xanh.
« Bể-trần man-mác mông-mênh,
« Kiếp người không bến, phận mình phù-du ».

Thì-giờ hỡi! oan-thù chi hắn?
Chén quỳnh-tương chưa cạn cùng ai,
Tình say chưa hết trận cười,
Ngày vui, ngày thảm vắn dài như nhau.
Ngày vui-thú nào đâu thấy nữa?
Chút vết thừa cũng khó tìm ra.
Cho rồi, lại cướp lấy a?
Ngày vui chàng trả lại ta chốc mòng
Hỡi qua-khứ! hư-không! bặt-tuyệt!
Bao ngày vui cướp hết làm gì?
Trả nhau không? nó mau đi!
Biết bao ân-ái cướp về nơi nao?
Hỡi hồ rộng, hang sâu, rừng tối!
Người trường-sinh cùng với thời-gian.
Xin ghi lấy chút hương-tàn,
Cái đêm ân-ái chan-chan độ nào.
Dù yên lặng, hay rào-rạt sóng,
Hay hương còn trong rặng đồi-xanh.
Hay cành thông rủ tơ mành,
Đá rà trên mặt nước xanh, hỡi hồ?
Hay trong trận gió đưa hiu-hắt,
Tiếng hồ reo réo-rắt quanh bờ.
Hay trên mặt nước hỡi hồ!
Lô-sô sóng bạc, lờ-mờ trăng soi,
Gió tham-dạm đưa hơi thơm nức,
Khóm vi-lô than-khóc sụt-sùi.
Thôi thì muôn vật trên đời,
Đồng-thanh cùng bảo: « Hai người yêu nhau. »

X. X.

(Trong bản-thảo không thấy có tên ký, xin dịch-giả rộng lòng cho biết — Cảm tạ).

Y-HỌC

BINH-LANG

槟榔 Hạt-cau — Areca Cateclue
(về loài palmier)

Tên. - Bên Tàu còn có tên gọi là Nam-Tiêm 南 天 và Tây-Tiêm 西 天. Ta thường gọi là hạt-cau già, hạt cau rừng.

Thổ-sản. — Binh-Lang bên Tàu thường có ở tỉnh Quảng-Đông, tỉnh Hải-nam; bên Ấn-Độ và các đảo Nam-dương cũng có.

Nước ta có hai thứ: một thứ dùng để ăn trầu, một thứ để làm thuốc. Binh-Lang làm thuốc vừa nhiều vừa tốt thì chỉ ở Nghệ-An và Hà-Tĩnh. Hoặc có nhiều nơi còn có nhưng vì ít dùng ít biết, nên ít thấy chăng.

Hình-sắc. — Thứ bên Tàu chở sang bán cho ta thì tròn, to bằng ngón chân cái, hai đẹt, một đầu bạnh, một đầu thon, trong thường có bộng lỗ, vân gấm to.

Thứ Binh-Lang ở Nghệ-an dùng là thứ hạt cau rừng (Pinanga) nó chỉ nhỏ bằng ngón tay út, hình tròn bầu, một đầu thon nhọn, dài độ hơn 2c/m, bề kính độ hơn 1c/m, cắt đôi bề ngang, thì thấy ruột đặc, cứng, chắc, tia khứa trắng nâu như vân gấm đồ dồn vào giữa, ở ngoài thường có vỏ, lúc tươi chín sắc vàng đỏ, khi phơi khô, còn có sơ lại thì sắc trắng vàng, bóc đi dễ lắm.

Khí-vị. — Binh-Lang tánh ôn, chất không độc, vị cay, ngọt, chát, vì tánh-chất ấy cho nên vào được vị kinh và đại-trường.

Chủ-trị. Vị này sát được các thứ trùng phá được các chứng tích, tiêu được thực, trừ được đờm, tiết được khí ở trên cao; giáng được các thứ thước xướng thấp, lại khai được kiết, trừ được phong, tỉnh được say rượu, chữa được ly và thông lợi được đại tiểu tiện... Ở bên Anh-cát-lợi (Angleterre) cũng dùng làm thuốc sán.

Cấm dùng — Vị này nó hay tán hay phá cho nên dễ hại đến nguyên-khí và phạt đến chân-âm, phàm những người gầy yếu, có bệnh tích chướng và người khí hư hạ hãm đi đại-tiện, như chứng ly thì không nên dùng.

Phân lượng. – Ông Bocquillon Limousin nói rằng: ông Egasse khuyên chỉ nên dùng đến 8 grammes là nhiều, nêu quá độ ấy sẽ có nguy-hiểm. Tám grammes lấy vào độ hơn 2 đồng-cân ta.

Tốt, xấu. Hạt nào chắc, rắn, cứng, già thì tốt, sắc hung-hung đỏ đốm trắng là tốt. Thứ nào để ủi đen, mọt là xấu. Ông Docteur Sallet cũng công-nhận rằng thứ cau rừng dùng làm thuốc ở Nghệ-an tốt hơn thứ Binh-Lang của Tàu mang sang. Thứ bên Tàu sang to, ốp-ít chất chát. Từ Thanh-hóa ra khắp đất Bắc-kỳ thì toàn dùng Binh-Lang Tàu. Từ Nghệ-an vào Quảng-nam thì toàn dùng Binh-Lang Nghệ-an.

Tôi hỏi ý kiến các thầy Lang thì các thầy cũng công-nhận Binh-Lang Nghệ-an dùng có công-hiệu hơn

Tôi lại nhớ khi năm xưa mới mở hiệu ở Vinh, không biết đây có Binh-lang, đem Binh-lang Tàu vào bán, đem cân cho khach hàng, ai cũng chê, không ai lấy cả, sau lại phải đem ra Bắc, mà phải mua Binh-lang ở đây bán mới được.

Mấy bài kinh-nghiệm.— 1.— Thuốc chữa sán:

(Vinh) *5 đồng rễ Lựu trắng*
3 đồng Binh-lang
1 đồng đại-hoàng.

Ba thứ giã nhỏ, bỏ vào siêu sắc, cho hai bát nước, sắc cạn còn nửa thì được. Trước khi uống thuốc này phải nhịn đói.

2.— Chữa chứng dun-sán trẻ con rất hay:

5 đồng Binh lang
5 đồng Sử-quân-nhục.
2 đồng Xuyên-luyện-căn.

Ba vị đều tán như bột, cho mật ong vào làm thành viên như hạt đậu xanh, mỗi lần cho ăn mười viên, hễ đều thắng cho ăn thì dun-sán ra hết.

***

Ước gì từ Thanh-hóa ra Bắc-kỳ các thầy lang các nhà bán thuốc bắc lưu ý đến thứ Binh-lang Nghệ-an mà dùng mà bán, để đồng tiền đừng lậu ra ngoài nhiều quá, mà của trong nước thành vô-giá đi.

Ước mong các ngài ở các nơi, ai biết có cây thuốc gì, vị thuốc gì ở đâu có nhiều nhười dùng được ích lợi lam sao. Xin làm ơn mách giúp cho, hoặc công bố lên báo-chương, khuyến-khích người dùng, để mong ngay thuốc Nam có hiệu quả tốt-tươi. Mong lắm thay!

Phó-đức-Thành — *Vinh*

HÀI VĂN

Lo thời-khí.

Bệnh thời-khí năm nay, không biết ở các nơi đã thấy có gì chưa? mà ở Hà-thành sao như phát sớm quá? Cứ vẫn-quán phóng-viên cho đi phỏng cấn tiêu-tức quanh thành-phố, báo nào rằng: các bạn Đồng-nghiệp đã thấy phát sinh ra bệnh cúm rất nhiều, thức dầu, sốt rét, rồi co cúm cả chân tay, tình-hình rất đáng kinh-khủng.

Bản-chí tuy hiện nay khỏe mạnh như thường, song thấy vậy mà sợ; Vả phòng bệnh là một sự rất cần. vậy dám mong các bạn Độc-giả và các bạn Đại-lý, Ngài nào còn đọng tiền của Bản-chí, xin kíp gửi về cho, để Bản-chi lấy tiền uống thuốc, cho được khoẻ mạnh qua mùa hè, lấy làm cám ơn các Ngài lắm lắm.

Nhan có bai thơ, thay lời kính đạt, mong chư Tôn xét cho.

Thơ rằng:

Dịch-khí năm nay đã đến rồi,
Láng giềng nghe đã một đôi nơi.
Có tiền sớm liệu mà soi thuốc,
Vô phúc sau này khỏi quét vôi.
Kinh-tế khó-khăn xoay hết đất;
Van-chương rẻ ế bán xa giời.
Tri-âm ai có mau hồ giấy,
Kẻo đến dư-đồ lại tả-tơi?

Tản-Đà

MẤY CÁI NGUYÊN-NHÂN VỀ SỰ KINH-TẾ TRỤY-LẠC NƯỚC MỸ

Những phương-pháp sinh-sản ; những chế-độ tài-chính, công-nghệ và thương-mại do người Mỹ sáng-tạo ra, rồi muốn dần dần đem ra làm khuôn-mẫu cho cả nền kinh-tế của thế-giới, kể ra rất là phức-tạp, song tóm lại, có hai cái nguyên-nhân quan trọng thứ nhất, đã giúp cho người Mỹ nắm trong tay cái quyền bá chủ trên trường kinh-tế, tức là sự *chế-tạo vô hạn* (production par série) và sự *tranh-cạnh tự-do*. (libre concurrence).

Khoa-học phát-minh, các máy móc ngày một tinh-xảo. Bất cứ một đồ dùng gì, đều có thể dùng máy chế riêng ra từng bộ-phận một. Kết cục, chỉ cần đem lắp các bộ-phận ấy lại, tức là có sẵn-sàng một thứ hóa-vật có thể đem bán ở thị-trường rồi. Nhờ có cách chế-tạo vừa ít phí, vừa đỡ công như thế, cho nên các công-xưởng có thể chỉ chuyên-môn chế ra một thứ, mà chế ra thật nhiều, để bán cho thật rẻ. Cách sản-xuất ra từng mớ như thế, tức là một cái đặc-sắc thứ nhất của hầu hết các xưởng công-nghệ bên nước Mỹ.

Nước Mỹ là một nước sẵn tiền. Sự chiêu-tập cổ-phần để lập ra các công-hội thương-hội đã có phần dễ-dàng hơn là ở các nơi khác. Người Mỹ lại là một dân-tộc tôn-quý tự-do, cho nên pháp-luật cũng công-nhận cho nhân-dân cái quyền tự-do doanh-nghiệp. Tư-bản đã sẵn-sàng, sự doanh-nghiệp lại không bị nhiều nỗi hạn-chế, thì chỗ nào có lợi, tất-nhiên là có sự ganh-đua. Ấy chính vì sự tranh-cạnh tự-do ấy, mà trong nền kinh-tế nước Mỹ, trước đây đâu đâu cũng thấy hiện ra vẻ hưng-vượng phát-đạt.

Song cái bong-bóng Hoa-Kỳ, vì đâu đã phồng lên một cách phi-thường, có lẽ ngày nay cũng lại vì đấy mà hẹp dí đi, chưa chắc bao giờ đã lại ngóc đầu lên được.

Thật thế, cứ theo con mắt tầm-thường, thì tất phải đợi trông thấy cuộc khủng-hoảng ghê-gớm của nước Mỹ ngày nay, mới biết khám-phá ra rằng những phương-pháp, những chế-độ kinh-tế mà người Mỹ vẫn thực-hành từ trước đến giờ, thực không có thể nào trường-cửu được. Nhưng thật ra, cái cuộc khủng-hoảng của nước Mỹ bây giờ, đáng lẽ đã xảy ra từ trước năm 1914; và nếu không có cuộc Âu-Châu đại-chiến, cùng là những ảnh-hưởng của sự chiến-tranh để lại, thì cái cục-diện kinh-tế của nước Mỹ đã đổ sụp từ lâu rồi.

Mở lại quyển kinh-tế sử của nước Mỹ, ta không khỏi không lấy làm ngạc-nhiên rằng nội trong các công cuộc kinh-tế ở đấy, ít có một công-việc nào đứng vững được quá 25 năm. Qua cái thời-gian ấy, những công-cuộc nào không bị vỡ bị tan, tất phải dung-hợp với nhau, hoặc thay hình đổi dạng, chứ không bao giờ cứ sống mà vẫn giữ nguyên được cái hình-thể lúc ban đầu.

Dù trông về phương-diện nào, dù đứng vào trường-sở nào, ta cũng nhìn thấy những cảnh-tượng kỳ-dị ấy. Nói ngay về các đường thiết-lộ. Hiện nay tình-thế các công-ty thiết-lộ thật khó-khăn đến cực-điểm. Song, trước đây, biết bao lần, cái cảnh-tượng khó-khăn ấy đã phát-hiện ra rồi. Lịch-sử thiết-lộ nước Mỹ, chỉ là một bản thống-kê những việc thất-bại, và những cuộc thảm-kịch về tài-chính. Mà thật ra cái tình-thế ấy muốn cho hưng-vượng sao được. vì, chỉ trừ một vài nơi đặc-biệt, không bao giờ, không thể nào có đủ hành-khách giao-thông, đủ hàng hóa vận-tải để nuôi sống biết bao là đường-sắt thường đặt ngang nhau và tranh-cạnh lẫn nhau. Đường hỏa-xa đặt ngang dọc trong xứ như khung cửi, nhưng xét ra, trong sự sếp-đặt ấy, không có một phương-pháp duy-nhất, một chương trình nhất-định nào cả. Có khi bốn năm đường cùng chạy một lối; có khi một con đường đi hàng ngày không có đường ngánh, và cũng không có chỗ tiêu-thụ. Ví dụ, như từ Chicago đến New-York, mà có đến 5 con đường-sắt chạy đua nhau. Nói tóm lại, trong công-việc quản-trị cai công-ty thiết-lộ ấy, thật không có một chút chi là kỷ-luật, là trịnh-trọng cả : Quỹ trừ-bị thường ít-ỏi, chương-trình khuếch-trương thì lại rộng-rãi quá, mà khi nào có lời-lức thì cứ thẳng tay phát vung ra. Từ năm 1923 đến năm 1930, tất cả các công-ty hỏa-xa phải vay đến một số tiền to tát quá là 5.930 triệu mỹ-kim, mà cũng trong khoảng mấy năm ấy, họ lại còn phát cho các cổ-phần số tiền lãi năm là 4.716 triệu, vì thế các trái-khoản càng ngày càng nặng. Đến bây giờ, phần nhiều công-ty không thể hàn gắn được nữa, nên phải cáo-cùng, phải phá-sản, cai đó tưởng cũng chẳng lạ gì.

Về việc tổ-chức và quản-trị cái chế-độ ngân hàng ở nước Mỹ, so với việc tổ-chức và quản-trị các đường thiết-lộ, xem ra cũng chẳng hơn mấy. Nhà ngân-hàng lập ra thật nhiều, nhưng họ không chịu cùng nhau điều-đình, để chia nhau mỗi nhà chuyên nhận một thứ công việc nhất-định. Vì thế, cũng như ở bên nước Đức, các công việc giao-dịch thì ít mà các nhà ngân hàng thì nhiều, cho nên, ngay ở vào những thời-kỳ bình-thường, cái số các nhà ngân-hàng phá-sản hay cáo-cùng, tính chung-bình ra, không một ngày nào là không có. Người ta tính ra trong năm 1921, có 502 nhà ngân-hàng cáo cùng, năm 1922, có 354 nhà, năm 1923 có 650 nhà, năm 1924 có 777 nhà, 1925 có 612 nhà và năm 1926 có 956 nhà, đến mấy năm gần đây, cái số ấy lại còn một ngày một cao nữa.

Ngay sau hồi Âu-chiến, các nhà

ngân-hàng Mỹ muốn đổ sô nhau sang hành-động ở Âu-châu, song đi đến đâu họ cũng bị thất-bại. Nhờ ở sự kinh-nghiệm ấy, họ mới biết rằng các mánh-khóe của họ còn thua-kém, nhữ'ng ý-định của họ còn sai-lạc, và sự nhu-dụng về tiền-tệ, cần phải đi theo sự nhu-dụng về các công-việc sản-xuất, chứ không phải có thể tự-nhiên bầy đặt ra được. Vậy mà, ở trong nước Mỹ thì từ xưa đến nay, cái công-việc quan-yếu nhất ở trong phạm-vi hành-động của các nhà ngân-hàng, rút lại chỉ ở sự kiếm cách bày đặt ra sự nhu-dụng ấy thôi. Xem ngay, từ năm 1918 đến năm 1928, tổng-số các công-cuộc lập ra để cho vay tiền ở nước Mỹ đã tăng lên đến 60 phần trăm, mà tổng-số các công-việc giao-dịch thực-sự thì chỉ tăng lên có đến 24,25 phần trăm thôi. Như vậy, thì mục-đích cái chế-độ ngân-hàng bên Mỹ, chẳng qua chỉ để kiếm vốn cho nhữ'ng kẻ đầu-cơ, dù sự đầu-cơ ấy là thuộc về động-sản, bất động-sản, công-nghệ hay thương-mại cũng vậy.

Cuộc Âu-chiến đã làm cho nước Mỹ thành-ra một nước trái-chủ, một tay xuất-phát hầu hết các tiền-tệ mà các nước trong hoàn-cầu phải cần-dùng đến. Đem thi-hành ra ngoài cái chính-sách phóng trái của họ, người Mỹ bấy giờ mới vung tiền ra, rồi khuyên người ta, rồi mời người ta, rồi cũng có khi bắt-ép người ta phải vay của mình nhữ'ng món trái-khoản thật to, lại bắt phải chịu tiền lãi thật nặng. Thành ra, vì không có thể dùng nhữ'ng tiền của họ vào các công-việc sinh-sản hữ'u-ích, mà họ đem nhữ'ng tiền ấy ra gây cho người khác nhữ'ng sự nhu-dụng mới, không thiết-thực. Bây giờ, các nước có nợ không sao trả được lãi nữ'a. Nhữ'ng món trái-khoản của nước Mỹ cho các nước Âu-châu vay mới bị giảm giá xuống, các trái-phiếu ấy hiện nay chỉ còn đáng giá có 50 phần trăm thôi. Đến như các trái-khoản của nước Mỹ cho các nước ở miền Nam Mỹ vay, thì lại bị sụt giá một cách quá-lệ nữ'a. Một cái trái-phiếu 100 Mỹ-Kim, hiện nay chỉ còn bán được có 25 Mỹ-Kim mà thôi. Mà sự giảm-giá ấy là nhất-định, là vĩnh-viễn, chứ không phải có tính-cách tạm-thời như sự tăng giảm thất thường của các thị-giá khác. Xem vậy, cái lỗi của người Mỹ, là họ đã sản-xuất ra các tư-bản một cách quá-độ, cũng như họ đã sản-xuất ra nhiều quá các xe hơi, giầy, than và biết bao các thứ hóa-vật khác vậy.

Nhân thế, kỳ sau đây, tôi sẽ cùng các độc-giả từ chính-sách tài-chính và ngân-hàng nói song đến chính-sách công-nghệ và thương-mại của người Mỹ.

Ngô-thúc-Địch

PHÁP-LUẬT DẪN GIẢI

III. — Phân biệt về mục-đích và phạm-vi của Hộ-luật và Hình-luật

Hộ-luật là gì ? là hết thảy các điều-luật do quốc-gia ban-bố ra để qui-định các công-việc, và các khoản ước có can-hệ đến thân-phận và tài-sản của dân-chúng.

Một người ở trong xã-hội, tất phải có một cái thân-phận minh-bạch, mới có thể giữ-gìn hoặc hưởng thụ được những quyền-lợi đi theo với thân-phận của mình. Người con muốn hưởng-thụ quyền-lợi của người con, tất phải nhờ ở sổ khai-sinh, để chứng rõ cái giấy liên-lạc của mình với các người bố mẹ đẻ ra ; Người vợ muốn giữ-gìn quyền lợi của người vợ, tất phải nhờ ở sự khai giá thú để làm chứng cho cái địa-vị của mình đối với người chồng. Mục-đích thứ nhất của hộ-luật, tức là chỉ-định các cách-thức người dân phải tuân-theo trong các việc có can-hệ đến thân phận mình, như các sự sinh, tử, giá thú, vân-vân.

Trong cái việc giao tế chú trọng về tài-sản, những nghĩa-vụ và quyền-lợi của đôi bên thường có nhiều nỗi phiền-tạp khúc-triết. Vẫn biết các người sở-quan vẫn có quyền tự lập ra khế-ước để chỉ định rõ ràng nghĩa-vụ và quyền-lợi của mình, song, trong trường giao-tế, có người ngay cũng có kẻ gian, nếu không có thể-lệ minh-bạch làm khuôn-mẫu cho các khoản-ước, thì tránh sao khỏi bên nào cũng muốn giữ lấy lợi, co lấy lý, mà các mối tranh tụng khó lòng bằng vào đâu mà giải-quyết được. Bởi thế, cái mục-đích thứ hai của hộ-luật là quy-định sẵn-sàng những điều-khoản quan-yếu cần thiết của phần nhiều những sự giao-ước thông thường, để cho nhân-dân có chỗ để làm bằng cứ trong những khi lâm sự. Cái điều tiện-lợi nhất, là trong các khế-ước những người sở-quan chỉ cần chỉ định những khoản cốt-yếu mà thôi, còn những khoản phụ-thuộc, có thể bỏ đi không nói đến, mà cũng được coi như là đã đồng-tình ưng-thuận những điều đã định của pháp-luật.

Vả pháp-luật không khi nào muốn bắt buộc nhân-dân phải cứ theo đúng như những điều-lệ đã quy-định sẵn. Những người đương sự vẫn có quyền tự-do giao-ước theo ý nguyện riêng của đôi bên, miễn là những điều giao-ước ấy không có gì phản-đối với trật-tự chung và phong-tục thì thôi. Xem vậy mục-đích của hộ-luật là cốt để mách bảo cho nhân-dân các cách-thức để giữ gìn và bênh-vực quyền-lợi của mình. Bởi nhẽ ấy, hộ-luật, muốn cho được thích-hợp, tất phải căn-cứ ở phong-tục và trình-độ tiến-hoá của nhân-dân trong một xứ. Không những thế, nhiều khi vì pháp-luật còn có chỗ khuyết-điểm, các nhà tư-pháp, phải mượn phong-tục để thế vào.

Còn Hình-luật là gì - là hết thảy các điều-luật ban-bố ra để ấn-định rõ ràng và chừng-phạt đích-đáng những việc hành-vi của một cá nhân có can-ngại đến vận-mạnh và trật-tự của quốc-gia hoặc làm thiệt thòi đến thân-mạnh và tài-sản của một cá-nhân khác.

Như vậy, Hộ-luật chú-trọng về quyền-lợi của cá-nhân, mà Hình-luật chú-trọng về trật-tự của xã-hội. Đứng trước toà án hộ, ông quan



Ôpg . . . . . nghĩ đến bước tiền-đồ — của H. H.

Toà chỉ là một **người đứng giữa,** *đem thi-hành các điều chỉ-bảo của luật-lệ, để giải-quyết mối tranh-tụng của hai bên nguyên Bị còn trước mặt toà án hiẽn, ông quan Toà, tức là người đại-biểu cho một bên lưỡng-tạo. là xã-hội, dùng hình-phạt để trừng-trị những việc làm có can-ngại đến trật-tự chung. Bởi thế. trong các việc hộ, cái chủ-quyền về việc kiện-tụng ở trong tay đôi bên ; bao giờ tòa-án chưa nhất-định xử-quyết thì các người sở-quan vẫn có quyền tự mình hòa-giải giàn-xếp lấy. Vả dù khi đã có án rồi, cái quyền xin thi-hành bản án cũng toàn bằng ở người được kiện. Quan tòa không có phép được tự quyền can-thiệp đến. Còn về các việc hình, cái chủ-quyền về việc kháng-cáo là thuộc về xã-hội, bởi vì, dù trong các tội-án có can-hệ đến tính-mạng và tài-sản của cá nhân chăng nữa, pháp-luật cũng chỉ chú-trọng về cái phận thiệt-thòi có thể xảy ra cho cả đoàn-thể mà thôi. Bởi thế, mỗi khi có một tội-án gì phát-sinh ra, không chỉ riêng gì những người đã bị chịu thiệt-thòi vì tội-án ấy, mới có quyền tố-cáo ; phàm ai là phần-tử của xã-hội, đều có cái nghĩa-vụ phải lôi kẻ tội-nhân ra trước pháp-luật. Mà khi nào tội-án ấy đã lọt vào vòng thụ-lý của tòa-án, thì cái quyền truy-tố thành ra có tính-cách công-cộng, chỉ riêng quan Tư-Pháp mới có quyền theo luật-lệ mà quyết-định về sự nên thẩm-cứu hay nên miễn-nghị, các người nguyên-cáo không có thể viện lẽ gì để xin rút đơn ra, hoặc ngăn-trở sự thẩm-cứu và kết nghĩ kẻ tội-nhân.*

Cũng vì cái mục-đích vị công vị tư của Hình luật và Bộ luật khác nhau như thế, cho nên các phương-pháp dùng để cưỡng-bách mọi người phải tuân-theo các điều phán-định của hai bộ luật cũng mỗi đằng một khác. Về các việc hộ, tòa-án chỉ có quyền bắt buộc các kẻ khuất-lý phải phục-tùng luật-pháp hay thực-hành những khoản-ước tự hai bên đã thuận-tình kết lập ra. Nếu một bên nào nhất-định cố ý không chịu thừa-hành, thì tòa-án cũng chỉ có thể thi-hành cái phương-pháp cưỡng bách độc-nhất. là đem phát mại những tài-sản của kẻ thua để đền-bồi cho người được. Ngoài ra, không còn có thể thi-hành một thứ hình-phạt gì nữa. Về các việc hình thì không thế. Trong những cái kết-quả của một tội-ác, có chỗ có thể bồi-thường, cũng có chỗ không có thể bồi-thường được. Vả một kẻ tội-nhân là một kẻ thù của xã-hội, cho nên xã-hội cần phải dùng đến các phương-pháp cưỡng-quyết. vừa để làm cho nó biết sợ mà tự xửa-đổi, vừa để ngăn-cấm cho nó không có thể tự-do mà làm sằng. Vì thế, trong các hình-phạt về luật-hình, ngoại sự tịch-biên tài-sản, còn có các phương-pháp khác có ảnh-hưởng đến quyền tự-do và thân-thể của kẻ có tội. Hình luật có tính-cách nghiêm-khắc khác hẳn với hộ luật như thế. cho nên nhà lập-pháp phải đem lòng thận-trọng, bắt buộc các quan-tòa án hình không được vượt ra ngoài câu cách-ngôn : « luật ngoài vô tội» (nulle peine sans loi), nghĩa là chỉ khi nào luật-pháp có chỉ-định tội-danh rõ-ràng. quan tòa mới được phép kết tội ; còn các quan tòa-án hộ, thì trong những khi nào luật-pháp không nói rõ. đều được có quyền rựa vào phong-tục, mà xử-đoán, hoặc đứng ra ngoài vòng luật-lệ, mà giải quyết theo lẽ phải và sự công-bằng.

Đó mấy điều phân biệt quan-trọng về Hộ-luật và Hình-luật. Từ kỳ sau tôi sẽ bắt-bầu nói đến nội-dung bộ Dân-luật hiện đương thi-hành ở Bắc-Kỳ.

Ngô-Thúc-Địch

Bác-sĩ **Ng.-văn-Luyện** *nói :*

«... Thật vậy, không phải chỉ những người ham-mê hoa-nguyệt mới mắc phải những bệnh ấy, còn nhiều người có bệnh mà không hiểu tại đâu, căn-do có khi từ mấy đời về trước truyền đến cũng nên. Người mắc bệnh mà không biết, hoặc vô-tâm lại có thể reo hoa cho gia-đình mình nữa, biết bao nhiêu người thiếu-phụ bị lây hỏi người chồng, tuổi xanh phải đau-đớn và thiệt-thòi về đường sinh-dục.

« Đáng thương nhất là những đứa trẻ thơ, mới ra đời đã mắc bệnh của cha mẹ truyền cho, rồi sau nó lại truyền đi đời đời làm suy-yếu cả nòi giống.

«Xem thế đủ biết rằng bệnh gọi là « Phong-tình » không phải là bệnh xấu mà chính là một cái nguy to cho xã-hội.

«Muốn bài trừ cái bệnh gớm-ghê ấy, tưởng trước hết cần phải dãi-bầy căn nguyên và trạng-thái của nó để ai nấy rõ cách điều-trị và đề-phòng, đấy là mục-đích của quyển sách này.. »

Quyển sách này là quyển gì?

Đó là quyển :

«Phong-tình y-án»

Mới ra đời, nối gót quyển «*Sản-dục chỉ-nam*».

Bản-chí rất vui lòng giới-thiệu cùng các quý-độc-giả quyển sách cần-thiết này, và còn mong đợi ở *bác-sĩ Luyện* nhiều quyển sách có giá-trị nữa.

Ai muốn hỏi về pháp-luật xin viết thơ hỏi :

Ông Trần-đình-Trúc

Luật-khoa cử-nhân

ở 16 Ngõ Trạm cũ (Ruelle Hàtrung) Hanoi

XÃ-HỘI BA-ĐÀO KỲ

XIN CHỮ CỤ NGHÈ

Gần chỗ tôi ở, có một cụ Nghè, đỗ khoa nào tôi không rõ. Cụ Nghè nổi tiếng là hay chữ. Những thơ phú, câu đối cụ làm ra toàn là chữ nho cả, tôi nghe không hiểu, ù cạc như vịt nghe sấm, nhưng thấy người vùng này thuộc nhiều văn-chương cụ và ai cũng đều phục là hay lắm.

Làng cụ ở cách nhà tôi độ ba cây số, những ngày rỗi việc, tôi thường đi lại để được hầu truyện cụ, vì tính cụ vui-vẻ, dễ-dãi, nhất là tiếp đãi tôi thì bao giờ cũng một cách đặc-biệt. Thường cụ vẫn bảo tôi rằng nếu có cần việc gì về chữ nho thì cụ sẵn lòng giúp.

Tôi vâng dạ, nhưng chửa có dịp nào được phiền đến cụ, vì chửa có dịp nào phải cần giao-thiệp bằng chữ nho. Nhiều người cứ sui tôi xin cụ đôi câu đối, nhưng tôi không muốn, vì vẫn biết cụ sẵn lòng tử-tế, nhưng chính mắt tôi thường trông thấy phàm ai muốn nhờ vả cụ về chữ nghĩa đều phải có đem hoặc cành cau, hoặc gói chè, hoặc có khi cả đồng bạc nữa, để biếu cụ, chứ không ai chơi cái lối « nước dãi » bao giờ! Như thế thực là phải, cho nên chẳng nhẽ bây giờ mình nhờ cụ, mà cũng xử như người ta, đem gì đến thì sợ cụ cười rằng trẻ-con không biết gì, nhưng nếu ngộ không tạ cụ bằng thức gì, thì cụ lại chẳng bằng lòng vì cách « tây » quá ấy chăng. Bất nhược chẳng phiền cụ cho xong quách.

Một hôm, nhân được giấy cáo-phó của một người bạn thân báo tin ông cụ thân-sinh mới tạ thế, chúng tôi cùng vài người anh em định rủ nhau sửa đồ phúng chung.

Ngày thường chúng tôi vẫn nghe lỏm nhiều người nói chuyện rằng phúng đám ma các cụ già người ta hay dùng bốn chữ : *Hạc giá tiên du*. Chúng tôi định thửa ở hiệu bốn chữ ấy, nhưng mặt chữ không thuộc, nên không biết viết thế nào, mà đã đành phận chữ *chi* là có cũng không biết thì thà chịu dốt còn hơn, vả lại bốn chữ sẵn này tuy hợp nghĩa, nhưng thường thấy nó cũ rích lại chẳng hay-ho gì, không đủ tỏ được cái tình thân-mật của chúng tôi đối với hiếu-chủ. Chúng tôi bèn quyết không dùng mấy chữ sáo « *Hạc giá tiên du* » ấy nữa, nhân có được biết cụ ở gần, thì lại xin ngay chữ cụ tất được hay lắm.

Chúng tôi biết tính cụ Nghè thích đánh chén, mà xưa nay chúng tôi lại chưa được dịp nào hầu rượu cụ, nên nhân việc này, chúng tôi mời cụ đến sơi cơm, rồi nói chuyện xin chữ cho tiện.

Dặn-dò ở nhà làm cơm và mua rượu, chúng tôi cùng thân-hành đến nhà cụ Nghè để đón cụ. Hôm ấy được ngày cụ thong-thả vả mát giời nên cụ đi ngay.

Cơm xong, tôi nói :

— Thưa cụ, tiện đây, chúng con có một việc muốn phiền cụ.

— Hừ ! các ông lại muốn nhờ làm câu-đối chứ gì ?

— Dạ.

— Thế thì việc quái gì phải bầy vẽ ra như thế này cho thêm lôn ?

— Bẩm có gì là bầy vẽ, chúng con chủ ý mời cụ quá bộ đến sơi cơm để chúng con được hân-hạnh hầu rượu cụ mà thôi.

— Câu đối gì ?

— Bẩm câu đối phúng.

— Phúng ai ?

— Bẩm phúng ông thân-sinh ra một người bạn thân.

— Được ! Đem giấy, bút, mực ra đây.

Chúng tôi đưa lọ mực tây và bút sắt. Cụ không nghe, cười rằng :

— Tôi có quen dùng những thứ này đâu ?

Chúng tôi bèn chia nhau đi mượn cho đủ đồ. Khi mang về, cụ bảo :

— Mài mực đi. Ông đổ ít nước lã vào đây, rồi mài thoi mực này mươi vòng vào chỗ này, khi nào đen thì thôi.

Chúng tôi vâng lời cụ. Khi mực mài xong, cụ để các đồ dùng trước mặt lên ngọn kính rồi hỏi :

— Viếng ông thân-sinh ra bạn thân phải không ?

— Dạ.

— Ông ấy bao nhiêu tuổi ?

— Bẩm ngót bảy mươi.

— À thọ nhỉ ! Con cháu khá cả đấy chứ ?

— Bẩm vâng.

— Ông cụ ấy còn cha mẹ già không ?

— Không ạ.

— Bà cụ còn chứ ?

— Dạ.

— Được. Ấy, phải biết đủ như thế, mới có thể dãi tỏ hết cả tấm lòng mình được.

Cụ nằm phục vị trước tờ giấy, chống tay vào cằm, nghiêm nét mặt lại, rồi rung đùi, cơ chừng để nghĩ. Chúng tôi ngồi chắp tay, yên-tĩnh cả, để khỏi làm rối mất mối văn-chương của cụ Nghè.

Một lúc, cụ ngồi nhổm giậy, nói :

— Mà cần gì phải câu đối ? Bây giờ những đám ma văn-minh, người ta có hay dùng câu-đối nữa đâu ? Để tôi nghĩ cho bốn chữ rõ hay, các ông có bằng lòng không ?

— Dạ !

— Được.

Cụ lại phục vị, cầm bút chấm vào nghiên, soe ngòi cho tròn rồi viết. Chúng tôi châu đầu cả vào để nhìn theo tay cụ.

Đầu tiên, cụ nắn-nót, viết một dòng chữ về mé tay phải ở tờ giấy, chỗ để niên-hiệu rằng :

Bảo-Đại nhâm-thân niên trọng hạ nhật.

Rồi cụ đưa phắt tay sang mé trái tờ giấy, viết luôn một dòng chữ nữa để lạc-khoản :

Tử chấp : Trần văn X, Trịnh-Hữu Y, Nguyễn-Mạnh Z, đồng trang văn.

Cụ hỏi :

— Có phải tên các ông thế không ? Dòng bên kia là để ngày, tháng, năm, đấy.

— Dạ.

— Tử-chấp nghĩa là hàng con, các ông cũng vào hàng con cụ ấy.

— Dạ.

Chỗ giữa vẫn còn để chống. Cụ lại hỏi :

— Ông cụ có phải không nhỉ ?

— Dạ.

Lúc ấy cụ lại ra dáng nghĩ-ngợi hơn, gục hẳn mặt vào bàn tay và rung đùi mạnh hơn trước, rồi ngẩng giây, đặt bút chấm vào mực, lăn mãi ngòi vào nghiên. Chúng tôi lại phải im phăng-phắc, không dám thở mạnh để cụ loạn trí mất chữ hay, chăm-chăm con mắt nhìn theo tay cụ.

Độ năm phút sau, cụ đặt bút xuống chiếu, gãi chân rồi kêu nực. Chúng tôi phải quạt hầu. Cụ cầm bút, rồi rung đùi. Một chốc, cụ lại xoay bút, không rung đùi nữa, đặt hẳn ngòi trên mặt tờ giấy, đưa đi đưa lại cái quản, ngoáy-ngoáy trên không để lấy gân, rồi đi hẳn xuống, nắn-nót, viết bốn chữ nét giậm gì to tướng. Viết xong, cụ nhổm phắt giậy, chỏ vào từng chữ mà giảng cho chúng tôi được hiểu thấu cái hay. Cụ Nghè giảng rằng :

— *Hạc* là con hạc ; *giá* là xe, *tiên* là cõi tiên ; *du* là chơi, các ông hiểu chưa ?

Hiểu rồi, chúng tôi lườm nhau, chỉ sợ có anh nào cười thì chết !...

Nguyễn-Công-Hoan

Một nghề « tự-nhiên »

Ở Va-lăng (Valence) bên Y-pha-nho, có một anh chàng làm trò rất lạ, được công chúng hoan-nghênh lắm.

Anh ta sinh ở Que-ba (Cuéba) năm 1916 nam nay vừa 21 tuổi. Từ tấm bé đã phải lìa bỏ quê-hương đến ở Ác-di-la, tới khi dân-quoc thành-lập mới lần mò về làng; Về làng, bụng đói cật rét, anh ta ngày đêm ủ-rũ lo-sau. Một buổi chiều kia, ăn cơm xong, anh ta ngồi thừ ra ngắm đĩa bát mà vơ-vẩn, anh lo, lo vì bữa nay dư rồi còn bữa mai tính sao ? Lo nẫu cả ruột gan đen nỗi vo-tình anh ta bỏ cái coc thủy-tinh vào mồm nhai và nuốt đi lúc nào không biết, ngờ đâu « giời sinh voi bao giờ cũng sinh cỏ » thật, anh ta chẳng thấy dau-đớn gì. Thử vài cái nữa xem vẫn không sao, thôi thế là từ nay trở đi, anh ta đã có nghề, cái nghề thật tự-nhiên, nào ai học được ? Anh không còn phai lo đói rét nữa.

Về sau, vì muốn cho nghề mình phấn-phát, anh ta đến các nha bác-sĩ dơ trò « nuot thủy-tinh » ra xin giấy chứng-chỉ, đi đến đâu ai cũng tưởng là thần.

Rồi anh ta đến Va-lang vào làm trò cho rạp to nhất ở đấy, tiếng tăm lừng-lẫy khắp vùng.

Thật là : Số giầu đem đến dưng-dưng,
Lọ là con mắt chào-chưng mới giầu.

Ở Hanoi, độ trước có thấy đồn có người Annam làm trò nhai thông-phong, ôi tiếc không được mục-kích.

PHONG-RAO, TỤC-NGỮ

Thường hằng ngày ta nghe thấy những câu phong-rao, tục-ngữ nhiều câu thực là khó hiểu. Lẽ khó hiểu ấy có lắm cớ, nhưng phần nhiều :

Một là xưa ta không có chữ để ghi chép mà truyền khẩu người này sang người khác, nơi nọ sang nơi kia, rồi hoặc nói ngọng, nói sai, thành ra không có nghĩa nữa, như câu : *Vênh-váo như bố vợ phải đấm.* Vậy ông bố vợ đã phải đấm, thì còn vênh-váo cái gì ? Mà sao cứ ông bố vợ phải đấm mới vênh-váo ? Có người bảo câu ấy chính là *Vênh-váo như khố rợ phải lấm.*

Hai là trong nước ta, tiếng nói mỗi chỗ một khác ; cái *thang* để chèo, thì ở *Phú-thọ* nhiều nơi gọi là cái *đừng* ; hạt *vừng* thì ở *Nam-kỳ* gọi là *mè* ; *lể* hay *lậy* thì ở hạt *Kinh-môn* (Hải-dương) gọi là *cúng* : *cúng bốn cúng* ; con *châu-chấu*, đầu vuông, nhẩy xa, thì nhiều vùng về *Nam-định, Thái-bình, Ninh-bình* gọi là con *cào-cào ;* con *cào-cào*, đầu nhọn, nhẩy yếu, trong có cánh đỏ, lại gọi là con *châu-chấu* :

Châu-chấu giã gạo bà xem,
Bà may áo đỏ áo đen cho mày.

Đến như câu : *Kể-lể con cà con kê*, ý nói lôi-thôi, thì con cà là gì ? con kê là gì ? Tiếng nói ở đâu ? Sao lại lôi-thôi ?

Ba là nhiều câu đặt ra có ngụ ý một nghĩa riêng về cá-nhân, về phong-tục, về công-nghệ, về lịch-sử, về địa-dư, v.v. cho nên truyền tụng đi nơi khác hoặc đời sau, tam sao thất bản thì cũng thành ra không rõ cội-rễ và nghĩa-lý nữa như câu :

Ai về Đồng-Tỉnh, Huê-Cầu,
Đồng-Tỉnh bán thuốc, Huê-cầu ruộm thâm.

Làng *Xuân-cầu*, thuộc huyện Văn-giang, tỉnh Bắc-ninh, xưa gọi là làng *Huê-cầu* ; mà làng Xuân-Cầu nay cũng không có nghề ruộm thâm nữa ; còn như câu :

Chèo lên trái núi Ba-vì,
Lấy tư hòn đá về kê chân giường.
Kẻo chân giường lệch,
Kẻo chệch thang giường,
Kẻo còn đi nhớ về thương...

Có người bảo câu này có từ đời nhà Trần, vì thấy nhà vua họ hàng lấy lẫn nhau, nên than thế. *Giường* đây là *mối giường, tam cương.* Vậy sao cho đủ nghĩa tam cương (vua tôi, cha con, vợ chồng). Sao phải chèo lên núi Ba-vì ? Sao kẻo còn đi nhớ về thương ?

Vả lại còn nhiều câu không biết rằng đúng hay là sai, mà xét đến nghĩa đen, không đoạn nào liên-can với đoạn nào cả, như câu :

Bố vợ là vớ cọc chèo, mẹ vợ là bèo chôi sông, chàng rể là ông ba Đời. (hoặc ông Ba-vì).

Câu này có lẽ ý nói chàng rể coi cha mẹ vợ hờ-hững, cho nên ngày trước có một thầy Khóa, người ta nhờ viết thư báo tin mẹ vợ chết đuối, nhắn con rể phải về ngay, thầy luống-cuống không biết chữ nho gì là con rể ? gì là mẹ vợ, liền thảo ngay mấy chữ sau này :

Bình-bồng mặt nước chôi sông, thỉnh tam-đại hồi gia cấp-cấp !

Người con rể không hiểu, sau mượn một người tàn theo nghĩa câu trên kia, mới biết, *Bình-bồng* là bèo *tam-đại* là ba đời : *Bèo* chết đuôi, mời *ông vụ đời* về ngay lập-tức !

Vậy An-nam tạp-chí mở ra mục này để hoan-nghênh các bạn xa gần, ngại nào còn ngờ câu nào, xin cứ viết về để ai rõ nghĩa rõ câu, dần-dần cùng nhau cải-chính và giải-đáp, thời cái kho Văn-chương nước ta ngày sau còn lại, mới mong có ích lợi về Văn-học, Khoa-học về sau vậy.

Nay xin hỏi những câu sau đây có đúng không, và nghĩa thế nào :

1. — Vênh-vao như bố vợ phải đấm.
2. — Bố vợ là vớ cọc chèo, mẹ vợ là bèo chôi sông, chàng rể là ông ba đời (hoặc ông Ba-Vì).
3. — Kể-lể con cà con kê,
4. — Chèo lên trái núi Ba-Vì,
Lấy tư hòn đá về kê chân giường,
Kẻo chân giường lệch,
Kẻo chệch thang giường,
Kẻo còn đi nhớ về thương.

A. N. T. C.

Mỗi khi dùng thức ăn ngon, vận mảnh áo đẹp, nghĩ đến đồng-bào cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc, anh em chị em những ai ai đó há tại không thấy cảm-động tới cõi lòng hay sao ?

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

Trà-sơn
dịch

20

Giữa lúc ấy, ông già Ô-lê-đông đã ở trên xuống bước xuống, thẳng bước đi vào, trong người đương bị cơn sốt rét, nên ông ta vừa đi vừa siêu-vẹo muốn ngã, mình mẩy thì run lẩy-bẩy, hình như không thể mang nổi được khẩu súng nữa. Mặt mũi trông sám ngắt như mặt người chết, hai hàm răng đập vào nhau cầm-cập; tuy dưới bóng nắng giữa trưa, mà cả người ông vẫn rét run như cầy sấy. Rồi ông lập-bập nói:

— Tôi... tôi đến... đến để cứu ông! Thà cho... cho quỷ-sứ nó bắt quách tôi đi cho... cho xong! Hễ khi... khi nào người... người ta cần đến... đến tôi là... là cái cơn sốt-rét nó... nó ở... ở đâu lại... lại kéo đến.

Chàng Xen-đôn bấy giờ mới đốc-xuất lũ người nhà và cai-phu nhặt-nhạnh hết các khí-giới rải-rắc ở trên mặt đất và chất thành một đống ở dưới mái hiên. Những súng nào tốt, chàng để riêng ra một bên, còn những súng cũ, thì cho bẻ vụn vứt đi. Rồi chàng trỏ vào đống dáo, mác, thiết-lĩnh và cu-liêm mà mỉm cười bảo cô Gian-nê rằng:

— Đấy thật là một thứ quý-vật có một, để sau này xung vào viện tàng-cổ của cô-nương... Đó thật là những vật kỷ-niệm nhặt được ở trên bãi chiến-trường!

Ngoài bãi bể, chàng cho chất đống hết thảy đồ vật tìm thấy ở trong các thuyền của tụi mọi, rồi cho châm lửa đốt sạch; nhờ đấy, những tên mọi đen ở Bế-rang-đệ, thôi thì tha-hồ mà phá-phách, mà lượm-lặt. Cả đến những chiếc thuyền độc-mộc, cũng bị đập nát ra, bỏ đầy những cát, đá và vỏ dừa vào, rồi đánh chìm xuống tận đáy bể.

Xong rồi, cuộc khiêu-vũ của phường quỷ-sứ lại bắt đầu cử-hành ở chung quanh các cây dừa. Chửi rủa chan-chê, tụi mọi đen ở Bế-rang-đệ mới dùng gỗ, gạch, sỏi, để hành-tội lũ cừu-nhân thất thế. Tụi này, tuy bị gạch đá ném vào như mưa mà vẫn cứ điềm nhiên cố bíu ở trên cây, không hề nhúc-nhích, mồm càu-nhàu nói hứa rồi sao cũng có dịp báo thù.

Ngảnh lại chỗ mọi người đứng chàng Xen-đôn nói:

— Vì việc này, rồi đây, trong bốn năm mươi năm, sẽ còn thường thường xảy ra cái việc chiến-tranh giết-gióc ở hòn đảo Mã-lai-tạ. Tuy vậy trong trí tôi chắc rằng sau này, dù tên mọi già Tê-bá-xê có muốn đến chụp tôi đi nữa, chắc cũng phải chờ đợi ít lâu.

Rồi chàng nhìn xuống lão đầu-mục già đương hậm-hực nuốt giận ngồi ở dưới mái hiên mà bảo rằng:

— Bây giờ, tao đánh vào đầu mi. Lạc-lan cô-nương, nhờ cô-nương giúp cho việc ấy. Cô-nương chỉ cần đánh một cái thôi, thế cũng đủ làm cho nó nhục rồi.

Cô Gian-nê trả lời:

— Gớm! nó bẩn-thỉu lắm. Tôi lại muốn tắm cho nó còn hơn. Này, A-đa-mu, mày chịu khó tắm gội cho con quỷ này nhé! Mày đem cái thùng này cho nước cho đầy vào... Còn mày, Ô-phi-ri, chạy đi lấy sà-phòng và cái bàn-trải to lại đây.

Những tên người nhà Ta-hải-ty vừa đi đánh cá về, cũng đều nhúng tay vào giúp việc.

Lũ mọi ăn thịt người leo ở trên cây, trông thấy người đầu-mục chúng bị khiêng vào trong thùng nước, rồi bao nhiêu lượt mỡ nhoáng bao bọc ngoài da, bị trải cọ đi sạch cả, thì đều lấy làm kinh-ngạc vì sự đại-bất-kính ấy mà đồng thanh la to lên rằng:

— *Tam bô! Tam bô!*

Cô Gian-nê liền ném cho những tên người nhà một mảnh vải cát-bá vừa lấy ở trong nhà ra để chùm cho tên Tê-bá-xê. Tên này bây giờ mới nhô người ra, trông có vẻ sáng sủa sạch-sẽ, nhưng mồm vẫn còn khạc-nhổ, vì tên Nô-át đã muốn đánh cả cổ-họng cho nó, nên trong miệng nó vẫn còn đầy những bọt sà-phòng.

Công việc xong đâu đấy, những phu đồn-điền được thưởng một nửa ngày nghỉ, còn tụi côn-đồ ở A-đam cũng được phép ở trên các cây dừa bò xuống. Suốt buổi chiều hôm ấy, cô Gian-nê và chàng Xen-đôn, nằm thảnh thơi nghỉ mát ở dưới mái-hiên, đưa mắt nhìn chúng lần lượt thi nhau lặn xuống đáy bể, để cố mò những chiếc thuyền đầy những cát đá, và dìu lên mặt-nước, mà không khỏi tức cười.

Mãi đến lúc giời đã xâm-xẩm tối, chúng mới làm xong công-việc, và cả tụi mới nhặt-nhạnh được những chiếc mái chèo gẫy nát, kéo nhau lên thuyền ra bể.

Dưới trận gió bấc nhẹ-nhàng mát-mẻ, tầu Phi-lý-be cũng đương buồm quay mũi, có mang theo ở dưới khoang những tên phu khởi loạn ở Sang Xích-tô-ba.

CHƯƠNG THỨ XII

Hôm sau, lúc chàng Xen-đôn đang bận việc ở trong đồn-điền, bỗng có một chiếc tầu lạ, tên là Mã-la-cự-la đến bỏ neo ngoài bến.

Lấy con mắt tay thủy-thủ, cô Gian-nê đứng xem tầu cuốn buồm và thả xuống. Rồi nàng thân ra đón hai người ở trên xuống bước xuống.

Một mặt cho một thằng ở chạy đi tìm chàng Xen-đôn, một mặt nàng sai người rót nước giải-khát mời hai vị khách uống, rồi nàng ngồi gần họ để tiếp chuyện.

Hai vị khách đối với nàng hình như có ý ngượng, và nàng thỉnh-thoảng lại bắt gặp con mắt họ nhìn nàng một cách tò mò muốn giấu mà không giấu được. Nàng tự biết là họ có ý hỏi nhau xem nàng là người thế nào; lần này là lần đầu nàng

mới thấy rõ cái tình-cảnh bất-thường của mình.

Về phần hai vị khách, thái-độ của họ cũng không phải là không làm cho nàng phải phân-vân. Họ không có gì là cái cách-cục thông-thường của những thương-nhân hải-khách. Tuy trong cái cử-chỉ của họ, chẳng có điều gì bất-nhã, vả trên trường xã-giao, họ cũng giữ được một nước sơn lễ-độ, mà xem ra họ ăn-nói, khác hẳn với lối ăn-nói của người tao-nhã. Vì vậy, nàng đoán rằng bọn này chắc hẳn là những tay doanh-nghiệp. Nhưng họ định kinh-doanh cái gì ở quần-đảo Sa-lô-mông này? Vả, cái mối lợi gì nó đã đưa họ đến Bê-rang-đệ?

Người nhiều tuổi nhất trong bọn tự giới-thiệu là Mộc-can, người trông tơ lớn nước da ngăm ngăm, mép lún phún râu, tiếng nói khàn-khàn ở trong cổ họng. Trái lại, người thứ hai tên là Rã-phỉ, người trông mảnh-khảnh như đàn bà, bàn tay óng-á cặp mắt chong xanh. Trông toàn thể cách cử-chỉ của họ rõ là một bọn trọc-phú, mà cứ con mắt nàng trông ra thì có lẽ xưa nay họ chưa từng biết sự vì-nể, hối-hận là cái gì.

Khi chàng Xen-đôn bước vào, cô Gian-nê liền để ý xem xét thì hiểu ngay rằng chàng không có ý gì hoan-nghênh mấy vị khách này cho lắm, nhưng chỉ vì một sự bắt-buộc mà chàng phải miễn-cưỡng làm ra mặt vui-vẻ tươi cười.

Sau khi trò chuyện một lát, tuy giời nóng như thiêu, mà cả ba người đều kéo nhau vào hầm ở trong buồng giấy. Một giờ sau, ba người mới lại đi ra.

Cô Gian-nê về nhà riêng, đến quá trưa về chiều nàng mới hỏi tên La-bế-ru xem nó có biết cái cách chàng Xen-đôn đối đãi với khách ra sao không.

Tên mọi đáp:

— Ông dắt họ đi chơi khắp mọi chỗ. *Tôi nói vậy*. Họ có ngó xem những cây dừa, khu đất trồng dừa, kho chứa cùi dừa, sông, đồng cỏ gần sông, cùng là chiếc xuồng nữa. Họ xem ráo. *Tôi nói vậy*.

— Mi có biết họ là ai không?

— Tôi chắc là hai vị đại chủ-nhân người bạch-chủng.

Ngoài ra tên La-bế-ru không còn biết gì hơn nữa.

Đến giờ ăn tối, chàng Xen-đôn cùng hai người khách: Mộc-can và Rã-phỉ, mới trở về nhà. Trong khi ăn cơm cô Gian-nê để ý nghe, nhưng không thấy họ nói một tiếng nào đả-động đến tung-tích hai người khách và mục-đích cuộc tiếp-kiến của họ. Họ nói lan man hết chuyện này sang chuyện khác. Cô Gian-nê để ý coi thì thỉnh-thoảng lại thấy trên cặp mắt chàng Xen-đôn lộ ra vẻ lo buồn.

Uống cà-phê xong, ba người cùng ra ngồi ở một chỗ khuất nẻo ngoài vườn.

Đứng ở dưới mái hiên cô Gian-nê thấy họ nói chuyện rì-rầm; trong đêm tối, nàng chỉ thấy đầu những điếu thuốc lá của họ cháy đỏ ối.

Sáng hôm sau, nàng dậy từ sớm, mà đã thấy chàng Xen-đôn và hai người kia lại đi thăm đồn-điền rồi.

Mãi lúc giờ ăn cơm sáng, ba người mới về. Cơm nước xong, ba người lại dắt nhau ra bờ biển nói chuyện không cho cô Gian-nê dự nghe.

Chàng Xen-đôn hình-như muốn biện-bạch về một câu chuyện gì đó, hai người kia thì cứ muốn nói gạt đi. Xem ra thì không ai chịu nhường ai trong khi biện-luận.

Lúc hai người kia ra tầu rồi, cô Gian-nê mới hỏi chàng Xen-đôn cho biết họ là ai và mấy người cãi lẽ nhau về việc gì. Nàng nói:

— Tôi coi bộ họ lắm nhời quá. Chiều hôm qua lúc mặt giời lặn họ còn nói; sáng hôm nay, mặt giời vừa mọc họ đã lại nói rồi. Họ nói gì mà nói lắm vậy?

Chàng Xen-đôn gượng cười và đáp:

— Đó là ông Mọc-can và ông Rã-phỉ, hai nhà doanh-nghiệp có danh tiếng. Họ có lập thương-điếm ở Tuy-la-gi và giao-dịch với các nhà thực-dân ở quần-đảo Sa-lô-mông. Hễ ai túng nhỡ tạm-thời thì họ đến cứu giúp. Sự cứu giúp ấy cố-nhiên chẳng phải là họ giúp không gì.

— Thôi đích rồi! Tôi hiểu rồi! chính tôn-ông cũng nhờ vả họ chứ gì!

— Cô-nương nói trúng đó, nhưng chàng Huy-ghi mới chính là người phải nhờ vả họ. Nguyên xưa chàng giữ việc trị-sự, từ ngày chàng mất, tôi xem sổ ra, còn có nhiều món chàng trang xếp chưa xong.

— Tóm lại thì sao?

— Tóm lại thì chàng Huy-ghi trước kia có làm với hai người kia nhiều giấy khất. Những giấy khất ấy hôm nay đến hẹn, mà trong két tôi thì không có trả. Cứ kể công việc trong đồn điền xem ra thì có cơ phát-đạt, nhưng tiền phí-tổn còn ngoạm mất một phần tiền thu vào.

— Tôn-ông nợ họ bao nhiêu?

— Số tiền cũng không mấy. Cả gốc lãi cơ-hồ chỉ độ ba nghìn đô-la thôi. Hiện nay tôi không có số tiền đó mà... mà họ thì cố ý không cho khất nữa.

— Quân ăn cướp!

— Không phải thế, không phải thế... họ cũng là những tay doanh nghiệp đó thôi. Đấy câu chuyện chỉ có thế.

— Thế rồi sao?

— Thế rồi họ muốn tôi phải thế-chấp đồn-điền Bê-rang-đệ này cho họ. Cái chỗ rắc-rối là ở đó! Nghề đời lạ gì, hễ họ được đằng chân thì họ lân... Nếu tôi ưng bán đồn-điền này, chắc họ sẵn lòng mua ngay, nhưng tất-nhiên là họ mua rẻ. Trời ơi! thế là công mình khó nhọc trồng cây, rồi đây họ chỉ có việc ngồi sẵn mà ăn quả.

— Thế tôn-ông đã định ra sao chưa?

— Hiện nay tôi chưa định thế nào cả. Cố-nhiên là không khi nào tôi chịu mắc vào chòng của họ, song, ngặt một nỗi, họ có ra cho tôi một hẹn 8 hôm để lo trả Lọ 3 nghìn đô-la, mà hiện nay tôi chưa có số tiền ấy.

— Rồi tôn ông sẽ có. Tôi sẵn lòng đem đến nộp tôn-ông... Nhân thế tôi sẽ là người chung phần với tôn-ông.

Chàng Xen-đôn vừa tỏ ý bất-thuận thì cô Gian-nê điềm-nhiên nói tiếp :

— Chúng mình có thể lập ngay một tờ hợp-đồng. Tôn-ông đã biết cái kế-hoạch đầu tiên của tôi là qua đảo Ba-ri Suy-lai khai-khẩn ruộng đất. Thì nay tôi chung phần ngay với tôn-ông, thế chả tiện hơn và lợi hơn cho tôi ru? Còn về phần tôn-ông, tôn-ông không thế nào từ chối được nữa. Tôn-ông bị mắc vào bẫy rồi!

Chàng Xen-đôn lầm-bầm nói :

— Hê! Hê! Lại vẫn câu chuyện cô là đàn-bà mà tôi là đàn-ông. Ta cần phải giữ lệ-tục chứ.

— Lại vẫn cứ câu chuyện gàn ấy mãi ư?

— Trời ơi, vàng!

Cô Gian-nê đứng phắt dậy dẫm chân xuống sàn mà la lên rằng :

— Tôn-ông có biết tôi muốn nói câu gì không?

— Điều đó tôi cũng không chắc lắm... Có lẽ cô-nương muốn nói rằng : «vứt mẹ cái váy đi» chứ gì!

— Than ôi, tôn-ông nói đúng lắm... thế bây giờ là ta thỏa thuận rồi chứ?

Chàng Xen-đôn im lặng một lát rồi rụt rè nói :

— Bởi vì...

— Bởi vì sao bây giờ?

— Bởi vì còn phải đề-cấp cả đến cái việc tầu Dịch-sĩ bị đắm kia nữa. Chiếc tầu này trước kia do chàng Huy-ghi chỉ-huy. Nó là vật rất cần-thiết cho chúng tôi để dùng đi mộ nhân-công. Nếu không có nó tất phải cậy người đứng trung-gian mộ giúp; như vậy lại tốn thêm mất một lần tiền nữa. Vả, tầu Dịch-sĩ trước vẫn dùng để trở thuê đối với đồn-điền này, cái đó cũng là một nguồn lợi khá lớn.

«Mua một chiếc tầu khác là việc rất cần. Nếu tôi hỏi vay bọn Mộc-can và Rã-phỉ để lấy tiền mua thì tất tôi lại phải thế-chấp đồn-điền Bế-rang-đệ một lần thứ hai nữa.»

— Thôi được, tôi sẽ bỏ ra chừng 5, 6, nghìn đô-la, rồi tôi sẽ nhập một phần lớn trong công-ty cũng được. Thật quả như thế là trong túi có bao nhiêu tiền tôi xin giốc ra ráo cả đó. Song, ở đời nếu không chịu mạo-hiểm thì chẳng ăn cóc gì, tôn-ông giúp tôi, tôi lại giúp trả tôn-ông, thế là tôi với tôn-ông, chẳng ai phiền lụy gì ai. Thế đã hết lẽ chưa?

Chàng Xen-đôn còn ra ý ngần-ngại và đáp :

— Hê! Hê! chiếc tầu đó phải có người chỉ-huy mà chàng Huy-ghi hiện nay không còn đó nữa; về phần tôi, cứ xoay quanh với tụi mọi đen cũng đủ nhược rồi, vả cái việc đi biển không phải là việc của tôi xưa nay.

Cô Gian-nê quắc đôi con mắt nói lớn lên rằng :

— Tôi đây sẽ làm quan ba tầu ấy chứ ai? Hiện tôi đã từng thí-nghiệm nhiều lần.

— Rồi cô-nương qua Mã-lai-ta để mộ phu phải không?

— Chính vậy.

— Thôi thế là chúng mình lại quay về những chuyện quái ác ấy!

Cô Gian-nê nói phắt ngay rằng :

— Thôi, thế ta hay để câu chuyện ấy đấy. Tôi rộng cho tôn-ông từ nay đến sáng mai để mà nghĩ-ngợi cho kỹ. Nếu cứ nói chuyện như thế này, thì đến đêm cũng chả có kết-quả gì. Tôi mong rằng ông Thần Đêm sẽ là ông thầy dạy khôn của tôn-ông.

Mục-lục

— Một phiến cảm-hoài cùng việc dưỡng-sinh ở Nghệ-an.
— Mỹ-thuật và đồ cổ của Tàu.
— Giây Hạnh-phúc.
— Thư cho bạn về Văn pháp Việt-Nam.
— Thế nào là Nữ-quyền?
— Vấn-đề thuộc-địa trong con mắt của đảng Xã-hội cấp-tiến.
— Cấp-tiến và Xã-hội cấp-tiến.
— Thời-đàm: Nhân ngày kỷ-niệm của An-nam mình.
— Thi-đàn giảng-tập : cùng ông Bùi xuân Diệm.
— Văn-đàn : có ca-dao người Mường.
— Y-học : Bình-lang.
— Mấy cái nguyên-nhân về sự kinh-tế truy-lạc của Mỹ.
— Phân-biệt về mục-đích và phạm-vi của Hình-luật và Hộ-luật.
— Xin chữ cụ Nghè.
— Phong-rao, tục-ngữ.
— Đâu có lạ-lùng-20.

Thật tình ra tôn-ông hèn-nhát lắm. Tôn-ông chỉ sợ cái lỗ miệng của thiên-hạ.

«Vậy nhất định như thế nhé? Tôn-ông cứ nghĩ cho kỹ, sáng mai tôn-ông sẽ trả lời cho rứt-khoát mà phải là một câu trả lời khôn-khéo, hợp lý, chứ không phải câu trả lời của một anh dồ».

Năm phút đồng-hồ sau, chàng Xen-đôn vẫn còn đang phân-vân nghĩ-ngợi, thì chợt nghe có tiếng cười ròn như pháo làm cho những điều tư-lự của chàng tiêu-tán đi đâu cả.

Chàng đi ra chỗ bao-lơn ngoài hiên, thấy cô Gian-nê ở căn nhà lá đi ra ngoài bãi bể. Hai tên người Ta-hải-ty là Ba-bế-hạ và Mã-hạ-mê, mình cuốn vuông vải tây đỏ chạy theo sau. Ngang lưng họ mỗi người có đeo một con dao găm trần sáng quắc.

Chàng Xen-đôn thở dài. Việc này nữa, cũng lại là một điều bướng-bỉnh khôn lay-chuyển được của người thiếu-nữ. Biết bao nhiêu lần chàng đã ngăn-cấm, đã van-vỉ nằn-nì, mà nàng cũng vẫn cứ thích tập lội, cứ thích liều thân với loài cá mập.

Chàng thấy nàng đứng trên một cái mỏm đá nhẩy tòm xuống biển, rồi bạo-dạn lặn, chìm-nghỉm hẳn người đi, chẳng khác gì một chàng thiếu-niên vậy.

Nàng cố trở tay bơi. Hai bên tả hữu cách xa chỗ nàng chừng 12 sải chân, hai tên người nhà bơi theo hầu.

Chàng thiết nghĩ, đến khi gặp nạn, hai đứa nọ tuy can-đảm, nhưng vị-tất đã có đủ sức chống nổi với con quỷ ăn thịt người kia. Song, chàng lại tin rằng nếu vạn-nhất có sự gì xảy ra, thì tất chúng dám liều thân để cứu chủ.

Cô Gian-nê và hai đứa người Ta-hải-ty bơi thẳng ra khơi. Đầu ba người càng trông càng bé. Chợt có một làn gió nhẹ-nhàng thổi lên, làm rạn-reo cả mặt biển. Luồng gió thổi mỗi phút mỗi mạnh; rồi tức thì ba cái đầu cứ luồn luồn nhô lên ngụp xuống ở trong những cồn sóng nhấp-nhô.

(Còn nữa)

Phòng chữa mắt Từ-ngọc-Liên

Mới mở

10, phố hàng Đường — Hanoi

chuyên-môn chữa mắt

và bán thuốc đau mắt

Từ-ngọc-Liên rất

hay giá 0$10

và 0$06.

Hiện đã được nhà Nước

cấp bằng thưởng

Diplôme d'honneur

Một điều đáng chú ý

Có bệnh, tìm lấy thuốc hay mà uống, thì bệnh chóng khỏi mà đỡ tốn tiền. Bổn đường nghiên cứu nghề thuốc rất là tinh tường chữa đâu khỏi đấy, nổi tiếng khắp nơi, ai đã dùng cũng phải công nhận là thuốc tiên. Lược kê giá mấy thứ thuốc rất thần hiệu ra sau này :

Các thứ thuốc chữa

Tư âm ích thận 1 hợp.	2$50
Đàn bà ra nhiều khí hư 1 lọ.	0,40
Điều kinh chủng tử 1 hộp.	3,00
Sản hậu 1 lọ.	0,40
Đau bụng kinh niên 1 lọ.	0,40
Phong thấp tê liệt 1 lọ.	0,30
Lậu kén (giương mai) 1 lọ.	0,50
Lậu nhiệt, cùng lậu rất nọc 1 lọ.	0,50
Ung thư, chàng lạc 1 lọ.	0,30
Sâu quảng, hắc lão, hồi nách, chúng cá, thối tai, trĩ mũi 1 lọ.	0,20
Ngã nước, sốt rét, thổ tả, kiết lỵ 1 lọ.	0,20
Sài kinh, bách giải, đau mắt, toét mắt, sâu răng, cam răng, tẩy đờm, ho đờm, 1 lọ.	0,10
Cai nha phiến	0,60

Muốn xem mạch hỏi bệnh cho biết rõ căn nguyên cứ đến hỏi :

M. BÙI-NGỌC-BÌNH

Hiệu Bảo-Nguyên-Trường

N° 51, Route de Sinh-Từ — Hanoi

HỒNG-KHÊ

DƯỢC PHÒNG

81, Route de Huế — Hanoi

Téléphone 755

Là một hiệu thuốc có danh tiếng ở Đông-Pháp nhất là một thuốc bệnh tình. Các bạn hay chơi nên nhớ kỹ.

集詩賢時

THỜI-HIỀN THI-TẬP

It hàng trân-trọng, thưa cùng các bạn làng thơ.

Nay tôi muốn sưu-tập các thơ văn của các Ngài đã có lòng yêu gửi lai-cảo cho từ trong khi tôi ở báo *Hữu-Thanh*, cho đến từ *An-nam tạp-chí* mới ra ở hàng Lọng, cho đến cả từ nay về sau, góp được ít nào, tiếp tục in ra, nhan chung là « *Thời-Hiền Thi-tập* ». Vậy có lời xin phép ở các ngài.

Lời kính tường về sự xin phép đây, in cả ở các sách của *Tân-dà Thư-cục* từ tháng mai năm 1932 này, chừng khoảng năm sáu tháng thời thôi. Ngài nào hoặc không rộng phép cho, xin cũng có thư cho được biết.

Nay kính,

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

THUỐC HAY!

Thập-Linh-Đơn. — Chữa bệnh Cúm - cảm sốt rất tài - Đã có giấy thí-nghiệm của Laboratoire Hanoi, mỗi liều . . . . . 0$10

Bánh cam-tích. — Chữa trẻ con có bệnh run sán, bụng ỏng da xanh, biếng ăn, Trẻ thích ăn lắm, mỗi hộp . . . . . 0$08

Cao đại bổ. — Bổ khí huyết, cứng gân cốt, cao này để pha làm rượu bổ, một chai nhỏ này pha được một chai litre. Rượu vang hay rượu ta tùy ý. Rất tiện cho người đi xa, rất rẻ. Thử tính : chai cao này 0$60 với một chai rượu ta 0$32 thành một chai rượu bổ có non một đồng bạc.

Thuốc gội đầu. — Một gói này pha được 2 chậu nước, gội rất chóng tóc hết gầu, tóc xanh mượt, mỗi gói. . . . . 0$05

Bán tại :

VĨNH-HƯNG-TƯỜNG Vinh và các Chi-điếm.

PHÓ-GIA-TƯỜNG và các Chi-điếm.

Kiểu Mới

HIỆU GIẦY BẢO-HIÊN

60A Phố Commerce (Ba-ty)

HAIPHONG

Làm giầy đã lâu năm được các qui-khách rất hoan-nghênh. Bổn-hiệu lại mới mua được các da mùi rất đẹp, có đủ các kiểu giầy qui ông qui bà (cả giầy kim-thời) rất thanh-nhã làm cẩn-thận, giá tính phải chăng. Xin qui-khách chiếu cố sẽ được như ý.

Xin các ngài nhớ ngoài cửa có vẽ một con

SƯ-TỬ

書叢局書泛傘

TẢN ĐÀ THƯ-CỤC TÙNG THƯ



Đã có bán :

1. — **Tản-đà văn-tập quyển nhất.** (Luận-thuyết-loại) Giá . . . 0$32
2. — **Thề-non-nước** (loại Tiểu-thuyết). — . . . 0,20
3. — **Khối-tình con thứ ba** (Thơ ca). — . . . 0,25
4. — **Giấc mộng con thứ hai** . . . . . — . . . 0,25

(Quyển này viết tại Saigon, xin chớ nhận lầm với quyển *Giấc mộng con thứ nhất* và Giấc mộng lớn).

Đã đương in : **Đài gương kinh**

Từ 1er Juin này trở đi; các Ngài mua buôn và mua lẻ các sách của Bản-cục in ra trong năm 1932, từ *Thanh-hóa* trở vô tới *Nam-kỳ*, và *Ai-lao, Cao-mên*, xin viết thư về hỏi tại :

M. Vương-đình-Châu

Directeur de l'Imprimerie du Nord-Annam. — Vinh.

kính-cáo.

Nguyễn-khắc-Hiếu

Enseignement primaire, primaire supérieur, secondaire

LYCÉE LIBRE HONG-BANG

A HANOI

70, Rue Jules Ferry, 70

là trường tư to nhất (ở Đông-Pháp chỉ có trường này được phép mở đến ban tú-tài) có đủ các lớp : lớp dạy riêng về khoa triết-học, lớp dạy theo lối gửi thơ. Nhận cả lưu học-sinh, tiền học không tính đắt. Giáo-sư Tây, Nam rất có danh tiếng. Quản-đốc : ông LEURET, cử-nhân khoa Văn-chương triết-học, chánh sở xã-hội cứu-tế tại phủ Toàn-quyền, đã ra công đào-luyện cho bọn thiếu-niên bên Pháp trong khoảng 30 năm giời, diễn-thuyết hơn 100 lần và đã lập được nhiều hội Cứu-tế khắp trong Nam ngoài Bắc.

Lớp nghỉ-hè đến 27 Juin khai giảng tạm ở trường Chấn-nam số 2 phố Nguyễn-Trãi (Hanoi) cho đến khi chữa sửa xong nhà trường mới. Ai hỏi thể-lệ nhớ đính tem giả lời.

L'Administrateur Gérant : Ngô-Thúc-Địch Imp. Spéciale de l'An-Nam Tạp-Chí